

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 2

Ấn bản 8.8 1983-2018

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ **Khóa** _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

Có chí thì nên.



Sách Cấp 2, ấn bản 8.7 1983-2018
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2017.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gởi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang – San Jose
P.O. Box 32563
San Jose, CA 95152

Điện thoại: (408) 647-5147
E-mail: admin@vanlangsj.org
Website: <http://www.vanlangsj.org>

Mục Lục

- Nội quy	v
- Lời mở đầu	vi
- Chú thích	vii
- Định nghĩa	x
- Nguyên tắc viết chính tả	xi
- Chữ cái và cách phát âm	xv

Bài học

- Tiêu chuẩn học sinh cấp 2:	1
- Bài ôn cấp 1:	2
- Bài 1: ch	5
- Bài 2: gh	11
- Bài 3: gi	17
- Bài 4: học ôn	23
- Bài 5: kh	29
- Bài 6: ng	35
- Bài 7: ngh	41
- Bài 8: học ôn	47
- Bài 9: nh	53
- Bài 10: ph	59
- Bài 11: qu	65
- Bài 12: học ôn	71
- Bài thi mẫu	77
- Bài 13: th	80
- Bài 14: tr	86
- Bài 15: học ôn	92
- Bài 16: học ôn: gh, ngh, kh	98
- Bài 17: ai ay ây	104
- Bài 18: am ăm âm	108
- Bài 19: an ăn ân	112
- Bài 20: học ôn	116
- Bài 21: ao au âu	121
- Bài 22: ac ắc ác	125
- Bài 23: ap ập áp	129
- Bài 24: học ôn	133
- Bài thi mẫu	137

Bài làm ở nhà

- Bài làm ở nhà 1	141
- Bài làm ở nhà 2	143
- Bài làm ở nhà 3	149
- Bài làm ở nhà 4	153
- Bài làm ở nhà 5	157
- Bài làm ở nhà 6	161
- Bài làm ở nhà 7	165
- Bài làm ở nhà 8	169
- Bài làm ở nhà 9	173
- Bài làm ở nhà 10	177
- Bài làm ở nhà 11	181
- Bài làm ở nhà 12	185
- Bài làm ở nhà 13	189
- Bài làm ở nhà 14	193
- Bài làm ở nhà 15	197
- Bài làm ở nhà 16	201
- Bài làm ở nhà 17	205
- Bài làm ở nhà 18	209
- Bài làm ở nhà 19	213
- Bài làm ở nhà 20	217
- Bài làm ở nhà 21	221
- Bài làm ở nhà 22	225
- Bài làm ở nhà 23	229
- Bài làm ở nhà 24	233
- Giải nghĩa tục ngữ	237
- Giải nghĩa tục ngữ	241
- Bản đồ Việt Nam	243
- Tài liệu tham khảo	244
- Quốc Ca	245
- Văn Lang Hành Khúc	246
- Ngôi Trường Văn lang	247
- Việt nam Việt Nam	248
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ	249
- Con cò	250
- A Chào ba	250
- Đàn gà con	251
- Con chim non	251
- Cùng quây quần	252

Nội quy dành cho học sinh và phụ huynh thuộc TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lý do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lý do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 5 lần trong một khóa học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm nếu người xin phép không phải là người đứng tên trong đơn xin nhập học hay sau 1 giờ trưa (trừ trường hợp khẩn cấp)
- 4- **Học sinh phải giữ kỷ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỷ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kỳ thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kỳ thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kỳ hạn. Học sinh vắng mặt 5 lần dù có lý do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được ăn uống trong lớp học, di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huân cụ của lớp học. Mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học.
- 7- **Học sinh không được mang giấy có bánh xe** trong khuôn viên nhà trường và **các loại đồ chơi vào lớp học** bao gồm: đồ chơi bằng hình (game cards), máy chơi điện tử (Ds Lite, Dsi v.v...), máy hát (ipod, Mp3...) nếu bị bắt gặp chơi trong giờ học lần đầu sẽ bị cảnh cáo và thông báo đến cha mẹ. Nếu tiếp tục học sinh sẽ được cho thôi học. Những trường hợp mất mát nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 8- **Cấm Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường gây gộc, các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí. Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh.
- 9- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường. Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 10- **Phụ huynh không được theo con em vào lớp học** nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 11- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lý do gì)

Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỷ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn

Phụ Huynh ký tên:

Lời Mở Đầu

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 10 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 10. Mỗi tập gồm có bài học trong lớp và bài làm ở nhà. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U . S . A.

CHÚ THÍCH

(Dành riêng cho quý Thầy Cô và Phụ Huynh)

Hàng tuần mỗi bài học được chia ra làm ba phần:

PHẦN I. EM HỌC CHỮ CÁI.

Trước hết, quý Thầy Cô viết các chữ cái lên bảng và cho các em đọc theo ba lần. Sau đó nhìn vào sách đọc lại.

Thầy Cô cho các em nhận biết mặt chữ theo hai giai đoạn sau:

- 1- Mỗi em cần có một bảng con (như loại bảng lite board). Thầy Cô đọc chữ cái cho các em viết lên bảng con, xong đưa cao bảng lên để tiện theo dõi.
- 2- Thực tập ngay trong sách có hình vẽ thích hợp với câu ngắn. Thầy Cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ cái tìm thấy trong câu (xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). ***Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.***

Trong các bài học ôn, chúng tôi gắng viết những câu ngắn với các từ mà các em đã học (chỉ gồm hai chữ cái).

Các bài này còn được dùng để Thầy Cô đọc chính tả hay soạn bài thi cho các em.

PHẦN II. EM RÁP VẦN VÀ ĐẶT CÂU.

- 1- **Em ráp vần:** Thầy Cô viết các từ đã ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.
Thí dụ: Từ **ba** đánh vần **bờ-a-ba**.
Thầy Cô gọi vài em đứng lên tự đánh vần để kiểm soát.
- 2- **Tập đặt câu:** Với mỗi từ, chúng tôi đặt một câu ngắn kèm theo. Thầy Cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. ***Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này.*** Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ngắn ấy.
Thí dụ: Trong câu: **ba bà đi chợ** các em khoanh tròn từ **ba** đã học ở trên. Những câu ngắn này sẽ giúp các em tập đặt câu và làm luận văn ở những lớp cao hơn.
- 3- **Em tập viết:** Thầy Cô hãy dặn các em vừa viết vừa đọc đủ nhỏ cho chính các em nghe. Em nào chép xong đưa tay lên để khuyến khích các em khác viết nhanh hơn cho kịp bạn.
- 4- **Bài hát và học thuộc lòng:** Không những đã học đầy đủ 23 chữ cái, các em lại còn được dạy thêm một số bài học thuộc lòng xen kẽ với những bài hát ngắn để khích lệ các em vui học trong lớp.

PHẦN III. BÀI LÀM

1- **Bài làm trong lớp:** Chúng tôi dùng một số hình vẽ và từ đã học trong phần I và II. Các em sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái mỗi ô hình để điền vào chỗ trống trong câu cho đúng. Nhờ hình vẽ các em dễ thuộc bài học hơn.

2- **Bài làm ở nhà:** Phần này cũng đơn giản, cố sao cho các em tự làm được ở nhà. Trang đầu là tập viết các chữ cái và từ đã học. Trang sau là các hình vẽ với những tiếng còn thiếu chữ cái, các em cũng sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái ô hình để điền vào chỗ trống. Trong các bài học ôn, các em sẽ chọn và viết từ hoặc câu văn ngắn thích hợp cho mỗi hình vẽ.

Phần này còn có thêm một tập riêng có in tên và ngày tháng dùng cho học sinh điền tên và ngày tháng vào rồi làm bài trên đó. Học sinh lấy bài làm ra khỏi tập để nộp cho Thầy Cô vào tuần tới.

Ngoài ra ở cuối mỗi bài học thường có một câu tục ngữ. Thí dụ ở cuối bài 1 có câu: ***Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời.*** Thầy Cô đọc cho các em nghe và giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ ấy. Phần giải nghĩa các câu tục ngữ có ở cuối sách.

Chúng tôi ước mong tập sách nhỏ này sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng hơn trong các buổi dạy vỡ lòng cho các em còn rất nhiều ngỡ ngàng với tiếng Việt.

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose



ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: *a, o, ui, iết, ong, iêng, ươn* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: *A! bông hoa đẹp quá.*
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.
Thí dụ:
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ **kẻ** trồng cây.
- **Gần** mực thì đen, **gần** đèn thì **rạng**.

2a) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

Trường hợp phụ âm ghép “qu” thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Chị **đói** **quá** nên ăn hết đồ ăn của em.
- Ăn **quả** xanh dễ bị đau bụng.
- **Quý** vị làm ơn cúi đầu khi làm lễ.

2b) Nếu từ có hai nguyên âm, một mang dấu mũ và một không có dấu mũ, thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm có dấu mũ như :

- Anh đừng có **quở** cháu **tội** nghiệp.
- Bảy **giờ** đã quá sáu **giờ** chiều.
- Cúng **giỗ** ở bên này phải **lựa** ngày **bảy** trẻ không đi làm.
- **Quê** đóng **thuế** trễ nên bị phạt

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước** **Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

5) Nếu từ có ba nguyên âm ở giữa phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm cuối như :

- Em nghĩ **chuyện** **huyền** thoại là **truyền** **thuyết** không có thật.
- **Quyển** sách đó nói về các vua nhà **Nguyễn**.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (◌) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (◌) hoặc có dấu nặng (◌) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

***“ Em Huyền (◌) mang Nặng (◌) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (◌) thuộc Hỏi (?) đau chỗ nào”.***

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hỏa hoạn, Thỏ thần

C- Viết Chính Tả Với Chữ I và Y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này. Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyên cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ i khi i ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiên	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:

nước **chảy** (ay)
ngày **nay** (ay)
say **túy lúy** (uy)
cô **Thúy** (uy)
v. v. . .

không thể viết
không thể viết
không thể viết
không thể viết

● Từ có vần:

nước **chải** (ai)
ngày **nai** (ai)
say **túi lúi** (ui)
cô **Thúi** (ui)

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu Í	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D d	Đ đ	E e	G G	H h
I i	K k	L l	M m	N n	O o	P P	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X X	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ:  * Dấu á:  * Dấu móc: 

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I i	K ca	L lờ	M mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư	V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét			

Chú ý: - Chữ **k** chỉ ghép với ba nguyên âm: **i, e, ê** (ki, ke, kê)

- Chữ **c** ghép với các nguyên âm còn lại: **a, o, ô, ơ, u, ư** (ca, co, cô, cơ, cu, cư)

12 nguyên âm đơn

A <i>a</i>	Ă <i>á</i>	Â <i>ớ</i>	E <i>e</i>	Ê <i>Ê</i>	I <i>i</i>
O <i>o</i>	Ô <i>ô</i>	Ơ <i>ơ</i>	U <i>u</i>	Ư <i>Ư</i>	Y <i>i-cờ-rét</i>

11 phụ âm ghép

CH <i>chờ</i>	GH <i>gờ-hát</i>	GI <i>giờ</i>	KH <i>khờ</i>
-------------------------	----------------------------	-------------------------	-------------------------

NG <i>ngờ</i>	NGH <i>ngờ-hát</i>
-------------------------	------------------------------

NH <i>nhờ</i>	PH <i>phờ</i>	QU <i>quờ</i>	TH <i>thờ</i>	TR <i>trờ</i>
-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

Chú ý: - Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm **e, ê, i**.

- Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm **a, i, o, ô, ơ, u, ư**.

Tiêu Chuẩn cho Học Sinh Cấp 2

- Đọc và viết thông thạo: phụ âm kép của tiếng Việt Nam (ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr, ay, ây, am, ăm, âm, an, ăn, ân, ao, au, âu, ac, ắc, âc, ap, ăp, âp)
- Ráp vần và đặt câu bằng miệng
- Học thuộc lòng
- Tập đọc đoạn văn ngắn
- Tập viết nguyên câu ngắn
- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa
- Học Huyền sử (Con Rồng Cháu Tiên)
- Học Địa lý (hình dạng nước Việt Nam)
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2

Bài ôn cấp 1

- Em học dấu:



sắc



huyền



hỏi



ngã



nặng

- Em học vần.

Chữ cái:	a	ă	â	b	c	d	e	ê	i
Phát âm:	a	á	ớ	bờ	cờ	dờ	e	ê	i
Chữ cái:	đ	g	h	k	c	m	n	o	ô
Phát âm:	đờ	gờ	hờ	ca	lờ	mờ	nờ	o	ô
Chữ cái:	ơ	p	ph	q	qu	r	s	t	u
Phát âm:	ơ	pờ	phờ	quờ	quờ	rờ	sờ	tờ	u
Chữ cái:	ư	v	x	y					
Phát âm:	ư	vờ	xờ	i-cờ-rét					

- Tập đọc có vần:

Em ráp vần + Đặt câu:

b	+	é	→	bé	-	Bé có cá rô.
c	+	ó	→	có	-	Ba có lá cờ.
g	+	à	→	gà	-	Mợ có gà cồ.
đ	+	i	→	đi	-	Dì đi dò về.
d	+	ê	→	dê	-	Dê đã no ê.
m	+	ẹ	→	mẹ	-	Bò mẹ đi xa.

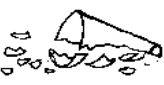
s + ò → sò - Bé vẽ vỏ sò
 ph + ê → phê - Ba pha cà phê
 qu + ê → quê - Bà đã về quê
 t + ủ → tủ - Cô mở tủ gỗ
 x + e → xe - Xe cũ dễ hư

• **Chính tả:**

Thầy cô chọn 5 câu ở trên để đọc cho các em viết chính tả

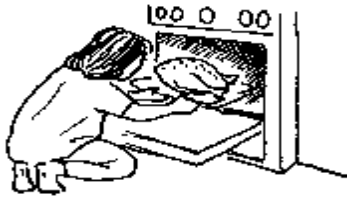
• Em hãy tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

bí rợ cà chua cổ áo
 em bé ô tô gã hề
 li bể kệ gỗ ba lô

1.  _____	2.  _____	3.  _____
4.  _____	5.  _____	6.  _____
7.  _____	8.  _____	9.  _____

- Em đánh dấu x vào ô vuông câu thích hợp với hình vẽ và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn

1.



- ☐ Má bỏ bí vào tủ.
- ☐ Má bỏ gà vào lò.
- ☐ Má để li lên kệ.

.....

2.



- ☐ Xe vô ga ra.
- ☐ Xe ba bị hư.
- ☐ Xe ô tô cũ xì.

.....

3.



- ☐ Bé ăn no nê.
- ☐ Mẹ đi từ từ.
- ☐ Mẹ bế em bé.

.....

4.



- ☐ Tý vẽ cá rô.
- ☐ Bố đi câu cá.
- ☐ Bố đi xa về.

.....

BÀI MỘT

• Em học ôn:

Dấu:



sắc



huyền



hỏi



ngã



nặng

Chữ cái:

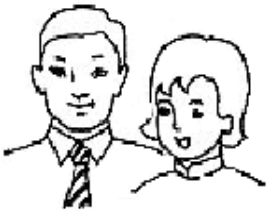
a ă â b c d đ h

Phát âm: a á ớ bờ cờ dờ đờ hờ

• Em hoặc ghép chữ:

c + h = ch (chờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Ch ẹ  <u>Ch</u>a <u>mẹ</u> <u>Ch</u>i	2. Ch i  Ch<i>i</i> đi chợ	3. Ch ộ  Ch<i>a</i> chạy bộ
4. Ch à  Chú cho Ch<i>i</i> quà	5. Ch B  Chữ A, chữ B	6. Ch ữ  Chó d<i>ữ</i>

• Em ráp vần:

ch + a = cha

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

cha

chờ-a-cha

chà

chờ-a-cha-huyền-chà

chả

chờ-a-cha-hỏi-chả

chã

chờ-a-cha-ngã-chã

chạ

chờ-a-cha-nặng-chạ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

- ch
- a: cha - Em yêu mến mẹ **cha**.
 - à: chà - Ba mua hộp chà là.
 - ả: chả - Chi mua nem mua chả.
 - ã: chã - Nước mưa rơi lã chã.¹
 - ạ: chạ - Không nên để chung chạ.²

¹ Lã chã : Từng giọt và nhiều, tuôn ra liên liên không dứt.

² Chung chạ : Để chung lại với nhau, lộn xộn không phân biệt.

• Em ráp vần:

ch + i = chi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

chi

chờ-i-chi

chí

chờ-i-chi-sắc-chí

chì

chờ-i-chi-huyền-chì

chỉ

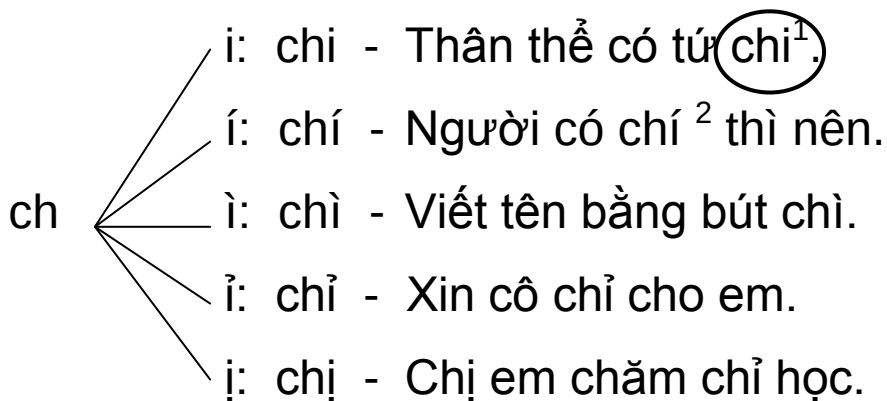
chờ-i-chi-hỏi-chỉ

chị

chờ-i-chi-nặng-chị

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Tứ chi : Hai chân và hai tay.

² Người có chí : Người có quyết tâm làm việc gì tốt đẹp.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Em Yêu Mến

Em có ông bà,
Và có mẹ cha.
Anh chị một nhà,
Yêu mến thiết tha.



Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Chú hề
Chó dữ
Chị em Chi

Cha mẹ Chi
Chi học chữ
Chú vẽ sò

Cà chua
Mẹ đi chợ
Cha vô sở.

1.



2.



3.



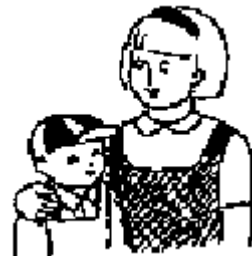
4.



5.



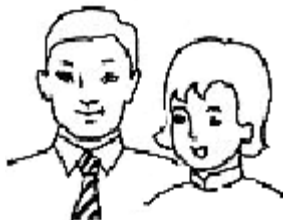
6.



7.



8.



9.



BÀI HAI

• Em học ôn:

Chữ cái:

e ê g h i k l

Phát âm: e ê gờ hờ i ca lờ

• Em học ghép chữ:

g + h = gh (gờ-hát)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Gh ò  Ghe đồ	2. Gh ụ  Ghế gỗ ụ	3. Gh ợ  Ghê sợ ghẻ lở
4. Gh ơ  Ghi ơn cha mẹ	5. Gh ê  Ghi tên vô lớp	6. Gh ì  Ghì tay lên vớ

• Em ráp vần:

gh + e = ghe

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ghe

gờ-hát-e-ghe

ghé

*gờ-hát-e-ghe
sắc-ghé*

ghè

*gờ-hát-e-ghe
huyền-ghè*

ghẻ

*gờ-hát-e-ghe
hỏi-ghẻ*

ghẽ

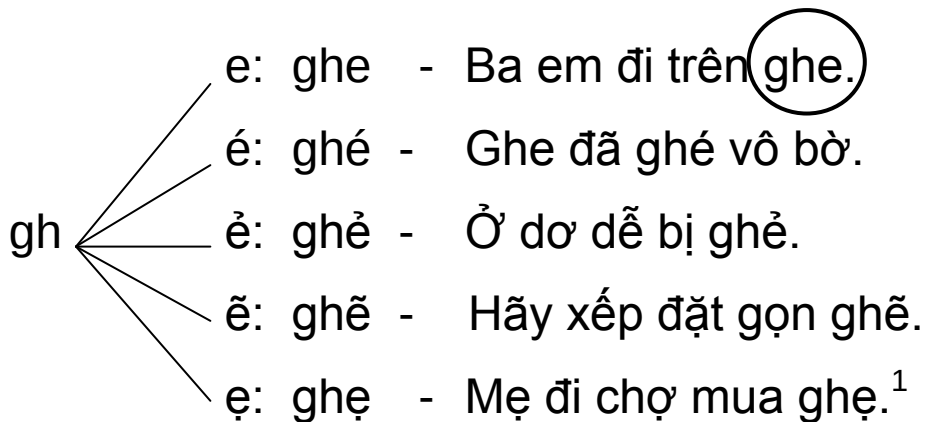
*gờ-hát-e-ghe
ngã-ghẽ*

ghẹ

*gờ-hát-e-ghe
nặng-ghẹ*

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



Chú ý: Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm **e, ê, i**.

Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm **a, i, o, ô, ơ, u, ư**.

¹ Con ghẹ : Một loại cua biển.

• Em ráp vần:

gh + i = ghi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ghi

gờ-hát-i-ghi

ghì

gờ-hát-i-ghi-huyền-ghì

• Em ráp vần + Đặt câu:

gh 
 i: ghi - Lời cha con xin ghi.
 ì: ghì - Mẹ ôm ghì em bé.

• Em ráp vần:

gh + ê = ghê

ghê

gờ-hát-ê-ghê

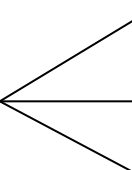
ghế

gờ-hát-ê-ghê-sắc-ghế

ghề

gờ-hát-ê-ghê-huyền-ghề

• Em ráp vần + Đặt câu:

gh 
 ê: ghê - Bé thấy cạp sớ ghê.
 ế: ghế - Bà bế bé lên ghế.
 ề: ghề - Đường đất quá gồ ghề.¹

¹ Gồ ghề : Không bằng phẳng, lồi lõm.

• Em tập đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - ghé gổ gụ Chú Ba có _____

b - Ghế gổ

a - chị ăn ghe Cha mẹ cho _____

b - Em ăn ghe

a - ghê sợ Em _____ chó dữ.

b - Ghê sợ

a - ghi tên em Cô đã cho _____ vào lớp.

b - Ghi ơn

a - ghì em bé Mẹ _____

b - Ghì tay

.

*Thương người như
thể thương thân*

• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

• Em học hát.

Hò Leo Núi

Anh, em dô ta
 Hăng hái hò reo dô ta
 Vượt sông, vượt núidô ta
 Vượt bao nhiêu đèo dô ta
 Dô tà, dô tà, là hò dô ta, dô ta.

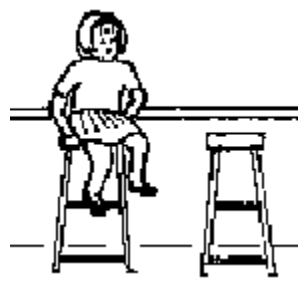
• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Ba đi ghe
Má ghì em bé
Ghê sợ hổ dữ

Em ngồi ghé
Ghi vô sổ
Ghe ghé vô bờ

Ghi ơn cha mẹ
Ghệ bò trên cát
Ghê sợ ghẻ lở

1. 1 -----	2.  -----	3.  -----
4.  -----	5.  -----	6.  -----
7.  -----	8.  -----	9.  -----

BÀI BA

• Em học ôn:

Chữ cái:

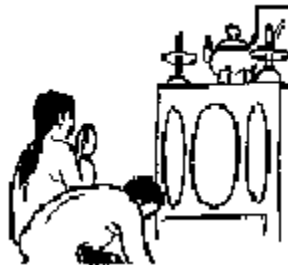
m n o ô ơ p q

Phát âm: mờ nờ o ô ơ pờ quờ

• Em học ghép chữ:

g + i = gi (giờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Gi é  Gia đình bé Chi	2. Gi ú  Giả bộ chú hề	3. Gi ồ  Gió to đổ cây
4. Gi ả  Giò chả	5. Gi ê  Giỗ tổ tiên	6. Gi ở  Giữ gìn sách vở

• Em ráp vần:

gi + a = gia

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

gia

giờ-a-gia

giá

giờ-a-gia-sắc-giá

già

giờ-a-gia-huyền-già

giả

giờ-a-gia-hỏi-giả

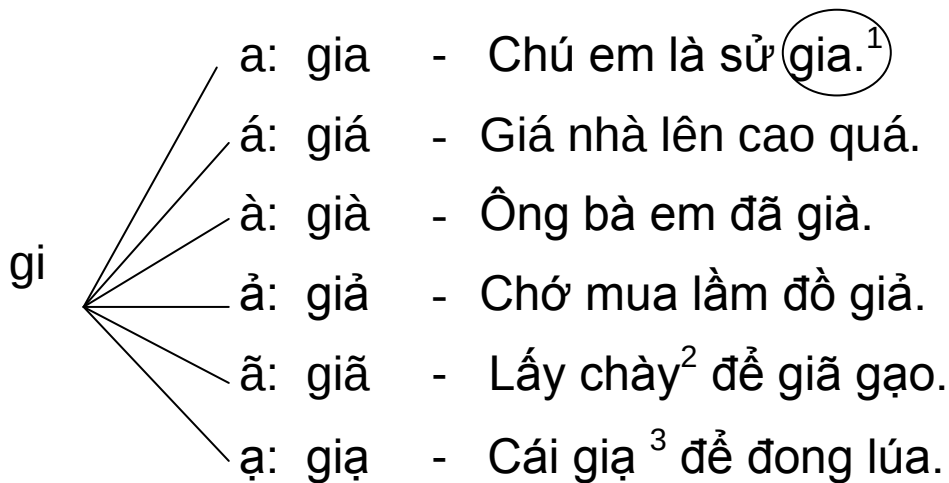
giã

giờ-a-gia-ngã-giã

giạ

giờ-a-gia-nặng-giạ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:



¹ Sử gia: Người viết sử.

² Chày : Vật dụng để giã gạo.

³ Cái giạ : Vật dụng để đong lúa.

• Em ráp vần:

gi + o = gio

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

gio

giờ-o-gio

gió

giờ-o-gio-sắc-gió

giò

giờ-o-gio-huyền-giò

giở

giờ-o-gio-hỏi-giở

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- | | | | |
|----|--|--------|--|
| gi | | o: gio | - Em thích ăn bánh <u>gio</u> . ¹ |
| | | ó: gió | - Hôm nay có gió to. |
| | | ò: giò | - Bánh mì có kẹp giò. |
| | | ỏ: giở | - Hái hoa để vào giỏ. |



¹ Bánh gio: Bánh tro, một loại bánh làm bằng bột gạo nếp.

Em tập đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - bà già	Ba _____ đi chợ.
b - Đã già	
a - Chi từ giã	_____ mẹ cha.
b - Em giả bộ	
a - đi ăn giỗ	Bố mẹ _____
b - Đi ăn giỗ	
a - Gió to	_____ đổ nhà.
b - Giò chả	
a - giá rẻ rề	Đồ cũ _____
b - Xe ô tô cũ	

***Gần mực thì đen,
Gần đèn thì sáng***

Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

[illegible]

- Em học thuộc lòng.

Gà Gáy

Gà cồ hay gáy.
Gà mái hay la.
Gác cửa giữ nhà,
Là con chó mực¹.
Ngủ gà ngủ gật,
Là con mèo mun².

(Em học vắn lớp Năm)

¹ Chó mực: Chó có lông màu đen.

² Mèo mun: Mèo có lông màu đen.

Bài làm trong lớp.

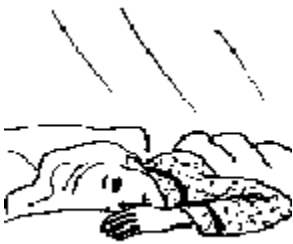
Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Bà em đã già
Bé từ giã mẹ
Bà lễ tổ

Gió to đổ cây
Em giả bộ ngủ
Xe cũ giá rẻ

Chi ăn giá
Tú ăn chả giò
Ba giờ đúng.

1.



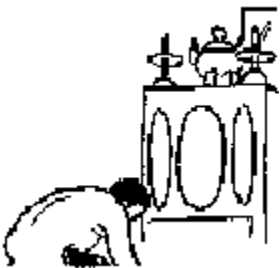
2.



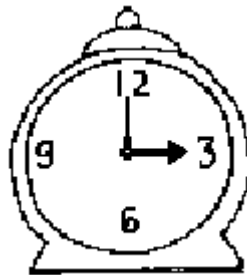
3.



4.



5.



6.



7.



8.



9.



BÀI BỐN

- Em học ôn chữ ghép:

ch

Phát âm :

chờ

gh

gờ-hát

gi

giờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

1. Ch ữ



Chó dữ

2. Ch ù



Che dù

3. Gh ò



Ghe đồ

4. Gh ồ



Ghế gỗ

5. gi ò



9 giờ

6. Gi ả



Giò chả

• Em ráp vần với chữ ghép **ch** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ch + a	cha mẹ, chả giò
ch + e	che dù, che chở
ch + i	chị em, chỉ chỗ
ch + o	cho quà, đi chợ
ch + u	chú Tư, chủ xe

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... cha mẹ em đi
..... mẹ che dù cho
..... chị em có
..... em đi chợ với
..... chú Tư cho em

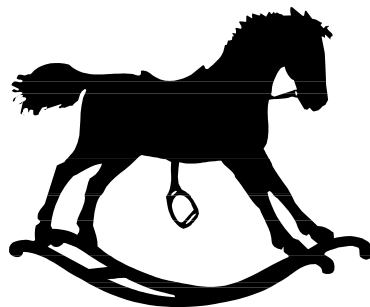
- Em ráp vần với chữ ghép **gh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gh + e	ghe đồ, ghé bờ
gh + ê	ghê sợ, ghé gỗ
gh + i	ghi sổ, ghi em bé

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ghe đồ ghé
 ghé gỗ màu
 ghê sợ
 cô ghi sổ
 mẹ ghi



• Em ráp vần với chữ ghép **gi** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gi + a	cụ già, giá rẻ
gi + o	gió to, giỗ tổ
gi + ư	giữ em, giữ lễ

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... giá rẻ

..... cụ già

..... gió to

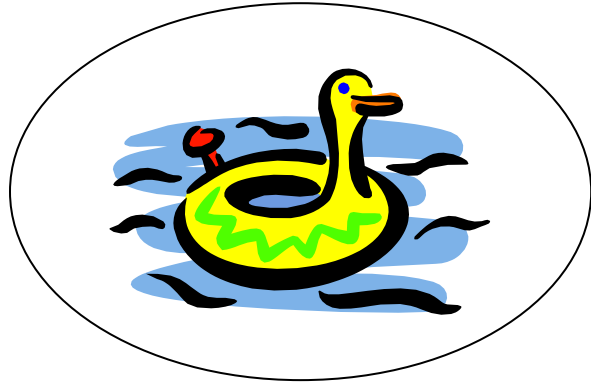
..... đi giỗ tổ

..... giữ em



Em tập đọc.

Cha mẹ đã già.
Cho Chi và Tú.
Về quê chú Tư.
Đi ghe, đi phà.



Ghe ghé vô bờ.
Chi ghé vô chợ.
Chả quế, chả giò.
Giá cả rẻ ghê.

• Em tập hát.

Yêu

Yêu là yêu, chúng mình yêu nhiều.
Yêu là yêu, chúng mình yêu quá.
Yêu là yêu, chúng mình yêu nhiều.
Yêu là yêu, chúng mình quá yêu.

• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

BÀI NĂM

• Em học ôn:

Chữ cái:

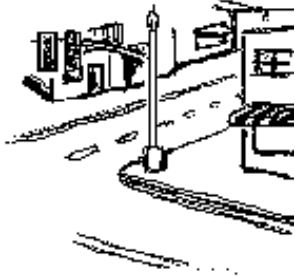
r s t u ư v x y

Phát âm: rờ sờ tờ u ư vờ xờ i-cờ-rét

• Em học ghép chữ:

k + h = kh (khờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Kh ọ  Kha học khá	2. Kh ó  Khe khẽ nói	3. Kh ố  Khế trồng hoa
4. Kh à  Khỉ già ăn khế	5. Kh i  Khe suối	6. Kh ố  Khu phố

• Em ráp vần:

kh + o = kho

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

kho

khờ-o-kho

khó

khờ-o-kho-sắc-khó

khò

khờ-o-kho-huyền-khò

khỏ

khờ-o-kho-hỏi-khỏ

khọ

khờ-o-kho-nặng-khọ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- kh
- o: kho - Đức hạnh là kho tàng.
 - ó: khó - Hãy an ủi kẻ khó.
 - ò: khò - Ăn no dễ ngủ khò.
 - ỏ: khỏ - Đánh nhẹ gọi là khỏ.



• Em ráp vần:

kh + i = khi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

khi

khờ-i-khi

khí

khờ-i-khi-sắc-khí

khì

khờ-i-khi-huyền-khì

khỉ

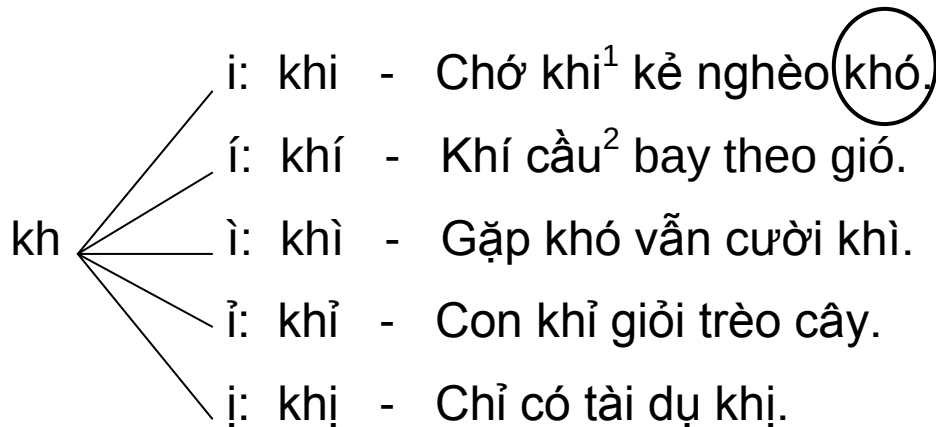
khờ-i-khi-hỏi-khỉ

khị

khờ-i-khi-nặng-khị

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Khi: Khinh chê, xem không ra gì.

² Khí cầu: Quả cầu chứa khí helium hoặc khí nóng, bay lên được.

• Em tập đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - kể khó	Cha mẹ em lo cho _____
b - Kể khó	
a - khe khẽ	Chị Chi ca _____
b - Khe khẽ	
a - Khỉ già	_____ ăn khế.
b - Khỉ già	
a - già khụ	Cụ Cả đã _____
b - Già khụ	
a - Cá kho	_____ có bỏ cà.
b - Kho cá	

Không thầy đố mày làm nên.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- **Em học thuộc lòng.**

Kẻ Khó

Kẻ khó xót xa,
 Đâu có cửa nhà!
 Ra đường lam lũ.
 Áo quần không đủ.
 Lạnh ho khù khụ.
 Ai nhủ lòng thương?

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Khỉ đu cây
Khu phố
Đĩa cá kho

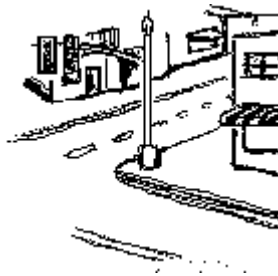
Chi ca khe khẽ
Bé ngủ khò
Kha đọc sách

Tủ có khe hở
Lá khô rơi
Mẹ kho cá.

1.



2.



3.



4.



5.



6.



7.



8.



9.



BÀI SÁU

• Em học ghép chữ:

$$n + g = ng \text{ (ngờ)}$$

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Ng á  Ngà voi to quá !	2. Ng à  Tú ngã u đầu	3. Ng ẹ  Ngõ nhỏ hẹp
4. Ng ì  Nga ngủ li bì	5. Ng u  Ngựa đua	6. Ng á  Ngủ ngáy o,o

• Em ráp vần:

ng + o = ngo

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ngo

ngờ-o-ngo

ngó

ngờ-o-ngo-sắc-ngó

ngò

ngờ-o-ngo-huyền-ngò

ngỏ

ngờ-o-ngo-hỏi-ngỏ

ngõ

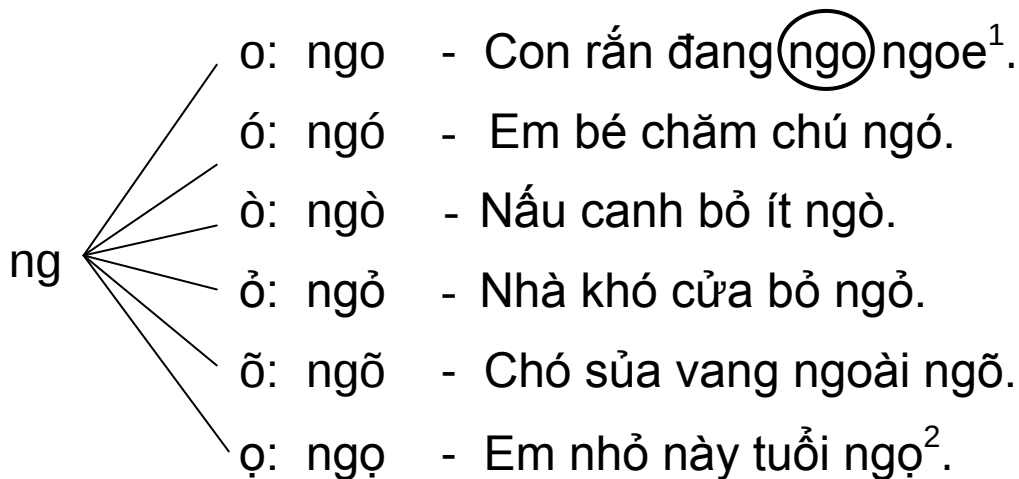
ngờ-o-ngo-ngã-ngõ

ngọ

ngờ-o-ngo-nặng-ngọ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Ngo ngoe: Cựa quậy, động đậy.

² Tuổi ngọ: Tuổi con ngựa.

• Em ráp vần:

$$\text{ng} + \text{ư} = \text{ngư}$$

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ngư

ngờ-ư-ngư

gù

ngờ-ư-ngư-huyền-ngù

ngũ

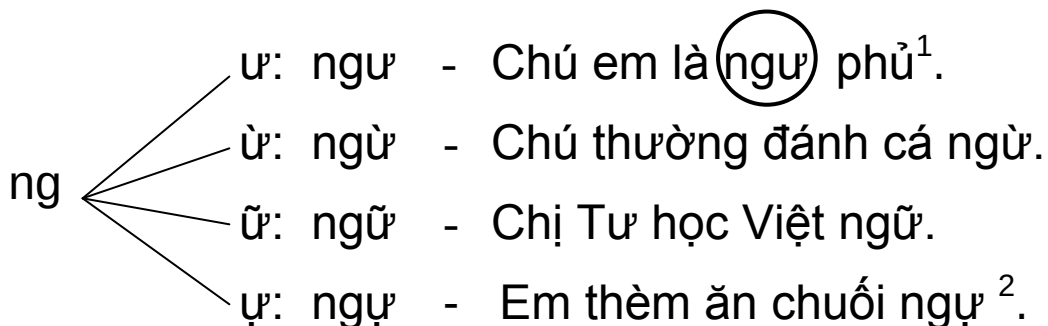
ngờ-ư-ngư-ngã-ngũ

ngự

ngờ-ư-ngư-nặng-ngự

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Ngư phủ : Người làm nghề chài lưới, đánh cá.

• Em tập đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - bé ngã Em _____ u đầu.

b - Em ngã

a - ra ngõ Em đi _____ chờ mẹ.

b - Ra ngõ

a - ngủ khì Em Tý _____

b - Ngủ khì

a - Việt ngữ Em học _____

b - Việt ngữ

a - Cá ngừ Mẹ kho _____ với khế.

b - Cá ngừ

Tham thực cực thân.

² Chuối ngự : Một loại chuối nhỏ rất ngọt.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- **Em học hát.**

Con Bướm Vàng

Kìa con bướm vàng, (2 lần)
Xòe đôi cánh, xòe đôi cánh.
Tung cánh bay lên cao kìa, (2 lần)
Trong vườn hoa. (2 lần)



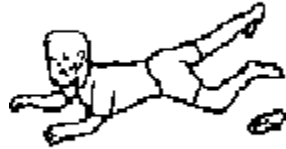
• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn những từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Bé Chi ngủ khò
Bà đi ra ngõ
Má đang cắt ngô

Em bé ngã
Nga đi học
Voi có ngà to

Chú khỉ ăn ngô
Cá ngủ kho khế
Chú hề ngu ngơ

1.  _____	2.  _____	3.  _____
4.  _____	5.  _____	6.  _____
7.  _____	8.  _____	9.  _____

BÀI BẢY

- Em học ghép chữ:

ng + h = ngh (*ng-hát*)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Ngh ọ  Nghé kêu nghé ọ	2. Ngh ĩ  Nghe nhạc ầm ĩ	3. Ngh ê  Nghỉ hè vui ghê
4. Ngh ỡ  Nghề võ Bình Định	5. Ngh ô  Nghệ khô	6. Ngh á  Nghề đánh cá

• Em ráp vần:

ngh + i = nghi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nghi

ngờ-hát-i-nghi

ng hí

*ngờ-hát-i-nghi-
sắc-ng hí*

ng ì

*ngờ-hát-i-nghi-
huyền-ng ì*

ng ỉ

*ngờ-hát-i-nghi-
hỏi-ng ỉ*

ng ỹ

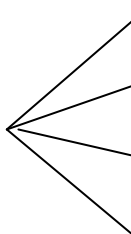
*ngờ-hát-i-nghi-
ng ỹ-ng ỹ*

ng ị

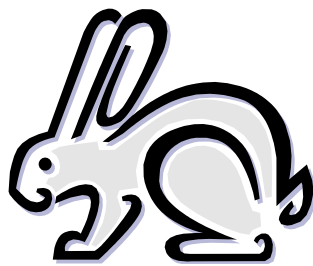
*ngờ-hát-i-nghi-
nặng-ng ị*

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

ngh 

- i: nghi - Chở vội nghi ngờ ai.
- ỉ: nghi ỉ - Dì em đi nghi ỉ hè.
- ỹ: nghi ỹ - Vừa nghe vừa suy nghi ỹ.
- ị: nghi ị - Ông ta là nghi ị sĩ¹.



¹ Nghi sĩ : Người đại diện do dân chúng bầu vào quốc hội.

• Em ráp vần:

ng h + e = nghe

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nghe

ngờ-hát-e-nghe

nghe

*ngờ-hát-e-nghe-
sắc-nghe*

nghe

*ngờ-hát-e-nghe-
huyền-nghe*

nghe

ngờ-hát-ê-nghe

nghe

*ngờ-hát-ê-nghe-
huyền-nghe*

nghe

*ngờ-hát-ê-nghe-
nặng-nghe*

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

ng h $\begin{cases} \text{e: nghe} & \text{- Cái tai dùng để nghe.} \\ \text{é: nghe} & \text{- Trâu con gọi là nghe.} \end{cases}$

ng h $\begin{cases} \text{ề: nghe} & \text{- Cô em có nghe may.} \\ \text{ệ: nghe} & \text{- Củ khoai vàng như nghe.} \end{cases}$

- **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - nghi ngờ Chớ có _____ ai.

b - Nghi ngờ

a - nghĩ hè Cha mẹ về quê _____

b - Nghĩ hè

a - nghe cha mẹ Chị em Tý _____

b - Nghe lời

a - nghe mẹ Chị Chi _____ ru bé ngủ.

b - Nghe cha

a - Con nghe _____ kêu nghe ngọ.

b - Nghĩ gì

***Nhất nghệ tinh,
Nhất thân vinh.***

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Nghề Nghiệp

Ai cũng có nghề.
Để lo sinh sống.
Gắng công em học.
Nghề được giỏi giang.
Ích cho xã hội,
Vinh quang một đời.

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Về quê nghỉ hè
Tai để nghe
Nghé ăn cỏ

Củ nghệ khô
Mẹ lo nghĩ
Bé nghe mẹ ru

Cụ nghị sĩ
Nghé bú mẹ
Bé nghĩ về ba

1.  _____	2.  _____	3.  _____
4.  _____	5.  _____	6.  _____
7.  _____	8.  _____	9.  _____

BÀI TÁM

- Em học ôn chữ ghép:

kh

Phát âm : *khờ*

ng

ngờ

ngh

ngờ-hát

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

1. Kh â



Khỉ đu cây

2. Kh ồ



Khế trổ hoa

3. Ng i



Ngà voi

4. Ng ò



Nga ngủ khò khò

5. Ngh ê



Nghé kêu nghe ngo

6. Ngh ạ



Nghe nhạc

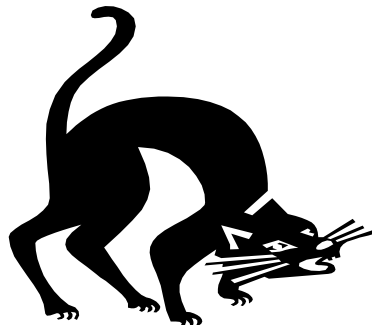
• Em ráp vần với chữ ghép **kh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
kh + a	kha khá, khề khà
kh + e	khe khẽ, ăn khế
kh + o	kho cá, khò khè
kh + u	khù khờ, khù khụ

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ca kha khá
..... ru khe khẽ
..... thở khò khè
..... kho cá ngừ
..... ho khù khụ



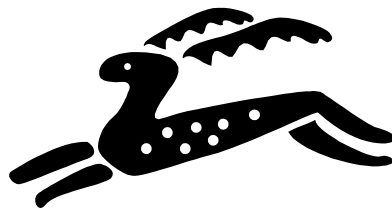
Em ráp vần với chữ ghép **ng** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ng + a	ngà voi, té ngã
ng + o	bỏ ngỏ, ra ngỗ
ng + u	ngu ngơ, ngủ khì
ng + ư	cá ngư, Việt ngữ

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ngà voi to
 bé ra ngỗ
 ngủ khì
 kho cá với khế
 học Việt ngữ



Em ráp vần với chữ ghép **ngh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ngh + e	nghe mẹ, nghe ngo
ngh + ê	nhề vẽ, củ nhệ
ngh + i	nhì ngò, nhỉ hè

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... nghe cha mẹ
..... nhề vẽ
..... nghe kêu
..... nhì ngò
..... nhỉ hè



- **Em tập đọc.**

Nghe về nghe ve.
Nghe cha nghe mẹ.
Về quê nghỉ hè.
Khi đi khi nghỉ.
Nghĩ mà vui ghê.

- **Em học hát.**

Con Voi

Con vòi con voi.
Cái vòi đi trước.
Hai chân trước đi trước.
Hai chân sau đi sau.
Còn cái đuôi đi sau chót.



• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

BÀI CHÍN

• Em học ghép chữ:

$$n + h = nh \text{ (nhờ)}$$

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Nh ỗ  Nhà gỗ nhỏ	2. nh o  Chùm nho	3. Nh ả  Nhị nhí nhảnh
4. Nh ồ  Nhi đồng ca	5. Nh ữ  Nha sĩ chữa răng	6. Nh ư  Nhẹ như lông

• Em ráp vần:

nh + a = nha

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nha

nhờ-a-nha

nhá

nhờ-a-nha-sắc-nhá

nhà

nhờ-a-nha-huyền-nhà

nhả

nhờ-a-nha-hỏi-nhả

nhã

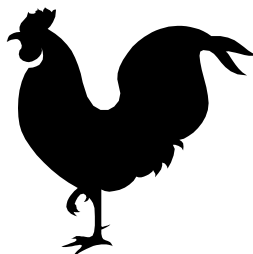
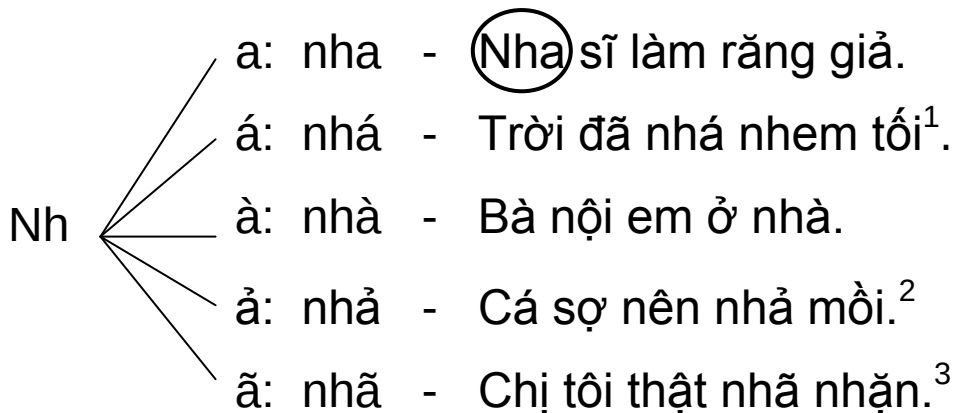
nhờ-a-nha-ngã-nhã

nhạ

nhờ-a-nha-nặng-nhạ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Nhá nhem tối : Trời sắp tối.

² Nhả mồi : Bỏ đồ ăn đã ngậm trong miệng ra.

³ Nhã nhặn : Lễ độ, từ tốn.

• Em ráp vần:

nh + i = nhi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nhi

nhờ-i-nhi

nhí

nhờ-i-nhi-sắc-nhí

nhì

nhờ-i-nhi-huyền-nhì

nhỉ

nhờ-i-nhi-hỏi-nhỉ

nhĩ

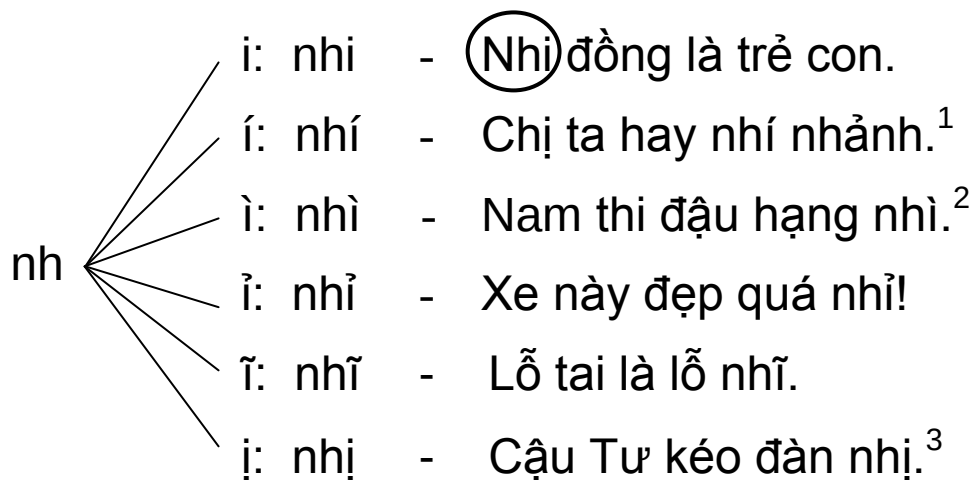
nhờ-i-nhi-ngã-nhĩ

nhị

nhờ-i-nhi-nặng-nhị

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Nhí nhảnh : Vui vẻ, liến thoắng.

² Hạng nhì : Hạng thứ hai.

³ Đàn nhị : Loại đàn kéo có hai dây.

• **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a- nho đỏ : Bà cho em Nhi ăn _____

b- Bé nhỏ :

a- nghỉ hè : Cha mẹ về quê _____

b- Nghỉ hè :

a- nghe cha mẹ : Chị em Tý _____

b- Nghe lời :

a- nghe mẹ : Chị Chi _____ ru bé ngủ.

b- Nghe cha :

a- Con nghe : _____ kêu nghe ngọ.

b- Nghĩ gì :

Kiến tha lâu đầy tổ.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

This image shows a full page of handwriting practice paper. It features five identical sets of horizontal guidelines arranged vertically. Each set includes three lines: a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line, providing a structured space for practicing letter formation and alignment.

- Em học thuộc lòng.

Bé Nhỏ Nhẹ

Bé Nhi nhỏ nhẹ.
Nghe lời mẹ cha.
Tan học về nhà.
Phụ bà dọn dẹp.
Nói năng lễ phép.
Giữ nét nhu hòa.
Cả nhà yêu mến.

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Bà cho bé nhỏ
Cá to quá nhỉ!
Mẹ đi nhè nhẹ

Nhà bé ở Xacá
Chú Ba nhỏ cở
Em vẽ chó nhỏ

sợ nhả mồi
Ba là chủ nhà
Đi xa quê nhà

1.



2.



3.



4.



5.



6.



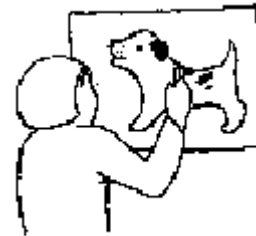
7.



8.



9.



BÀI MƯỜI

• Em học ghép chữ:

$$p + h = ph \quad (phờ)$$

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Ph à  Phi pha cà phê	2. Ph á  Phở nóng ngon quá!	3. Ph ế  Phụ mẹ làm bếp
4. Ph ờ  Phi trường San José	5. Ph ạ  Tú bị phạt	6. Ph ẩ  Phú phe phẩy quạt

• Em ráp vần:

ph + i = phi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

phi

phờ-i-phi

phí

phờ-i-phi-sắc-phí

phì

phờ-i-phi-huyền-phì

phỉ

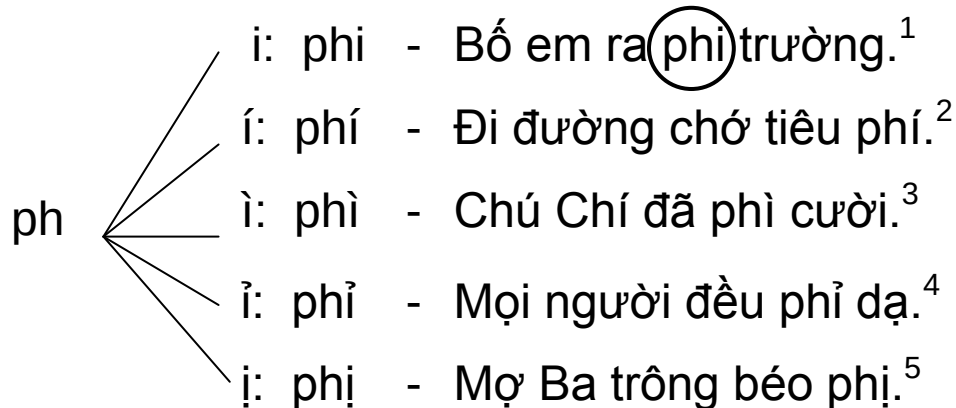
phờ-i-phi-hỏi-phỉ

phị

phờ-i-phi-nặng-phị

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



1. Phi trường: Nơi máy bay lên xuống, sân bay.

2. Tiêu phí: Xài tiền vào việc không cần thiết.

3. Phì cười: Bật lên cười.

4. Phỉ dạ: Thỏa dạ, bằng lòng.

5. Béo phị: Béo phệ, rất mập mạp.

• Em ráp vần:

ph + u = phu

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

phu

phờ-u-phu

phú

phờ-u-phu-sắc-phú

phù

phờ-u-phu-huyền-phù

phủ

phờ-u-phu-hỏi-phủ

phũ

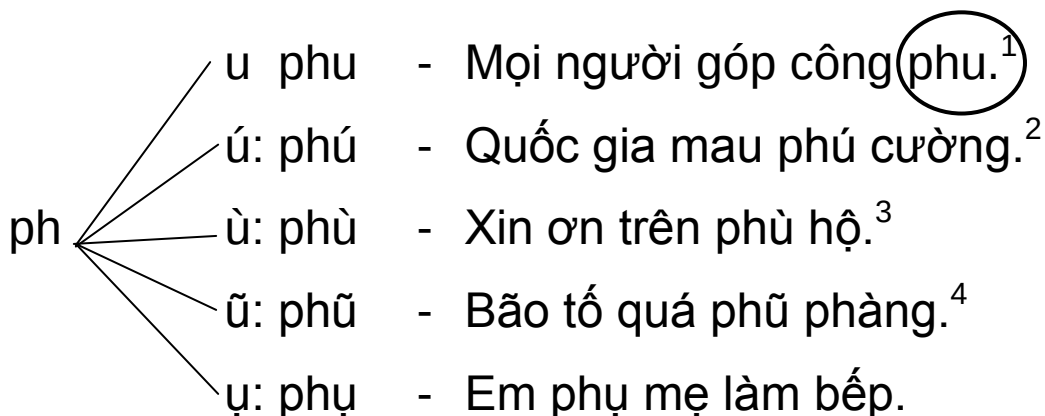
phờ-u-phu-ngã-phũ

phụ

phờ-u-phu-nặng-phụ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



1. Công phu: Công sức để làm một việc gì.

2. Phú cường: Giàu mạnh.

3. Phù hộ: Che chở, bảo bọc.

4. Phũ phàng: Tàn nhẫn, ghẻ lạnh, không một chút thương cảm.

• Em tập đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - cà phê Cha pha _____ cho mẹ.

b - Cà phê

a - đi phà Chị em bé Phi _____ về quê.

b - Đi phà

a - ăn phở Cả nhà em Phú đi phố _____

b - Ăn phở

a - phì phò Ba bà già đi chợ xa thờ _____

b - Phì phò

a - bờ phờ Cự Phó đi xa mệt _____

b - Bờ phờ

Cây có cội, nước có nguồn.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

- **Em học hát.**

Họ Kỳ Không

Kỳ không là ông kỳ đà,
Kỳ đà là cha các kẹ,
Các kẹ ấy mẹ kỳ không,
Kỳ không là ông kỳ đà...

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Chú thở phì phì
Dì Ba đi phố
Khu phố ở xa

Phú và cha mẹ
Ăn mì phở phê
Chó phá hư đồ

Chở xe qua phà
Ba cho ăn phở
Bố pha cà phê

1.  _____	2.  _____	3.  _____
4.  _____	5.  _____	6.  _____
7.  _____	8.  _____	9.  _____

BÀI MƯỜI MỘT

- Em học ghép chữ:

$$q + u = qu \text{ (quờ)}$$

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Qu e  Quạ đen	2. Qu ê  Que diêm	3. Qu à  Quả cà chua
4. Qu ậ  Quà sinh nhật	5. Qu à  Quà Giáng Sinh	6. Qu y  Quạt máy

• Em ráp vần:

$$\text{qu} + \text{y} = \text{quy}$$

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

quy

quờ-i-cờ-rét-quy

quý

*quờ-i-cờ-rét-quy
-sắc-quý*

quỳ

*quờ-i-cờ-rét-quy
-huyền-quỳ*

quỷ

*quờ-i-cờ-rét-quy
-hỏi-quỷ*

quỹ

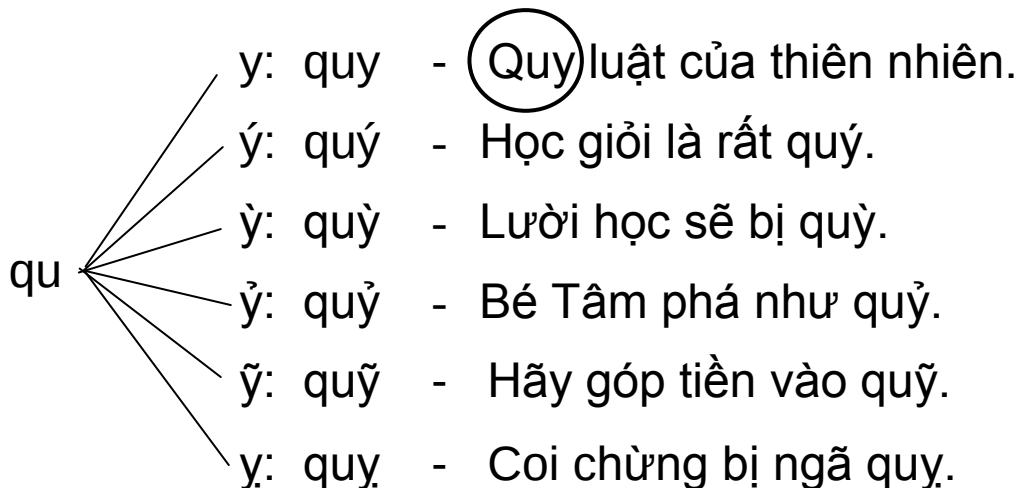
*quờ-i-cờ-rét-quy
-ngã-quỹ*

quy

*quờ-i-cờ-rét-quy
-nặng-quy*

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



• Em ráp vần:

qu + ơ = quơ

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

quơ

quờ-ơ-quơ

quớ

quờ-ơ-quơ-sắc-quớ

quờ

quờ-ơ-quơ-huyền-quờ

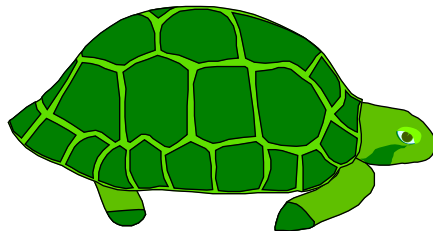
quở

quờ-ơ-quơ-hỏi-quở

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- qu
- ơ: quơ - Tốt xấu gì cũng (quơ).
 - ớ: quớ - Hết giờ nên em quớ.
 - ờ: quờ - Đêm tối em quờ quạng.
 - ở: quở - Bạn em bị ba quở.



• Em đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - quà nhỏ	Cô Quý cho em _____
b - Quà nhỏ	
a - quỳ gối	Chờ có phá sẽ bị _____
b - Quỳ gối	
a - nhà quê	Cha mẹ đi về _____ nghỉ hè.
b - Nhà quê	
a - quý giá	Chú Tư cho quà _____
b - Quý giá	
a - chả quế	Ông bà cho em ăn _____
b - Chả quế	

Chị ngã em nâng.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

- **Em học thuộc lòng.**

Bà Em

Bà em đã già.
Tóc bà bạc phơ.
Bà ở quê nhà.
Cách xa ngàn dặm.
Em nhớ bà lắm.
Mong hè về thăm.

Phạm Trung

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Mẹ cho quả lê
Bà xin quẻ xăm
Chân bé bị quỵ

Bé bị ba quở
Xe qua cầu
Đi bộ quá xa

Bà cho quả táo
Em có quà quý
Quà Giáng Sinh

1.



2.



3.



4.



5.



6.



7.



8.



9.



BÀI MƯỜI HAI

- Em học ôn chữ ghép:

nh

Phát âm: *nhờ*

ph

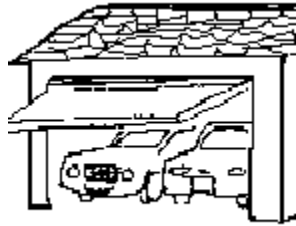
phờ

qu

quờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

1. Nh ể



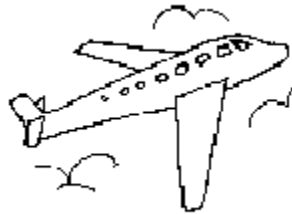
Nhà để xe

2. Nh ỏ



Nho đỏ

3. Ph ơ



Phi cơ

4. Ph ò



Phở bò

5. Qu ê



Quả lê

6. Qu ó



Quỳ gối

• Em ráp vần với chữ ghép **nh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
nh + a	nhà kho, quê nhà
nh + e	nhè nhẹ, ngủ nhè
nh + o	nho nhỏ, nhớ nhà
nh + u	nhu nhú, kho nhừ

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... nhà kho
..... ngủ nhè
..... quả nho nhỏ
..... nhớ nhà
..... mọc nhu nhú



- Em ráp vần với chữ ghép **ph** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ph + a	pha cà phê, qua phà
ph + e	cà phê, bỏ phế
ph + i	phi cơ, phì cười
ph + o	phở gà, bơ phờ

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... qua phà
 pha cà phê
 đi phi cơ
 ăn phở gà
 một bơ phờ



• Em ráp vần với chữ ghép **qu** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
qu + a	qua phà, quả lê
qu + e	quê nhà, chả quế
qu + y	quy y, quý giá
qu + o	quơ tay, mẹ quở

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ăn quả lê
..... về quê nhà
..... quy y theo đạo
..... quà quý giá
..... mẹ quở



- **Em tập đọc.**

Cha Phú ở quê nhà.
Phú nhớ nhà nho nhỏ.
Đi qua phà, qua đò.
Nhớ cha pha cà phê,
Mẹ cho giò, chả quế.

Bà cụ Phó quá già,
Nhỏ bé, đi lù khù.
Bà quý chị em Phú.
Cho ăn phở phủ phê,
Cho quà quê quý nhỏ.



• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

Kì thi giữa khóa

Bài thi mẫu cấp 2

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I. Ráp vần (10 điểm).

Ráp vần với 5 chữ ghép.

Thí dụ:

Chữ ghép	Viết ba từ cho mỗi chữ ghép		
ch	cha đi bộ	chữ A	chó dữ
ng	té ngã		
ngh			
ph			
qu			
tr			

II. Chính tả (39 điểm)

Lựa 13 câu của bài học ôn số 12, 15 và 16.

Thí dụ:

1. Ba pha cà phê.
2.
3.
-
14.

III. Chọn từ (27 điểm).

Chọn những từ sau đây để viết dưới hình vẽ cho thích hợp.

Thí dụ:

chùm nho, nhà gỗ nhỏ trà thơm, quả cà chua.

1. hình vẽ _____	2. hình vẽ _____	3. hình vẽ _____
4. hình vẽ _____	5. hình vẽ _____	6. hình vẽ _____
7. hình vẽ _____	8. hình vẽ _____	9. hình vẽ _____

IV. Tập đọc và viết lại (12 điểm).

Khoanh tròn từ đúng chính tả trong cột A hay B. Sau đó chép lại từ vừa khoanh vào chỗ trống.

Thí dụ:

	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1. Bà về quê <u>ngĩ</u> hè	ngĩ	ghĩ
2.		
3.		
14.		

V. Xếp câu (12 điểm).

Hãy xếp đặt câu cho hợp nghĩa và chép lại vào hàng kẻ.

Thí dụ:

1. đò Em đi về quê.

Em đi đò về quê.

2.

.....

3.

.....

.....

.....

14.

.....

BÀI MƯỜI BA

• Em học ghép chữ:

t + h = th (thờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Th ô  Tha mồi (chim)	2. Th ề  Thả diều	3. Th ê  Thỏ và dê
4. Th ó  Thả bong bóng	5. Th ộ  Thi đua bơi lội	6. Th ừ  Thú rừng (hổ, voi)

• Em ráp vần:

th + ê = thê

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

thê

thờ-ê-thê

thế

thờ-ê-thê-sắc-thế

thề

thờ-ê-thê-huyền-thề

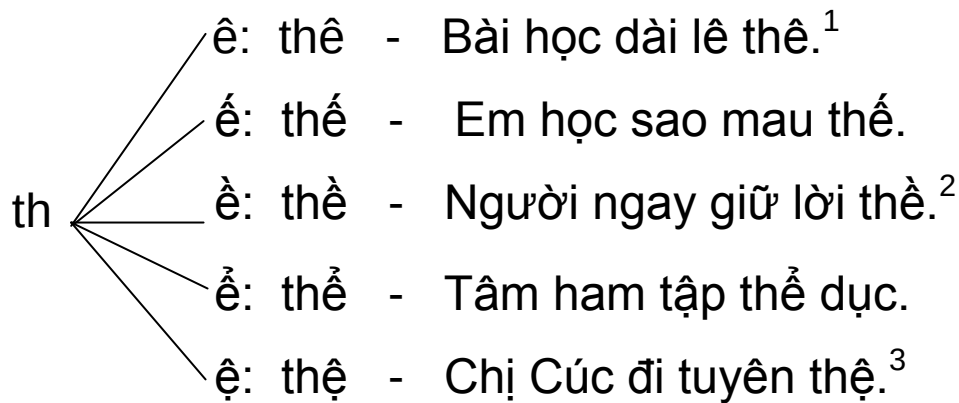
thể

thờ-ê-thê-hỏi-thể

thệ

thờ-ê-thê-nặng-thệ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:



¹ Lê thê: Rất dài.

² Lời thề: Lời nói cam kết làm một điều gì.

³ Tuyên thệ: Đọc lời thề trước công chúng.

• Em ráp vần:

th + ư = thư

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

thư

thờ-ư-thư

thứ

thờ-ư-thư-sắc-thứ

thờ

thờ-ư-thư-huyền-thờ

thử

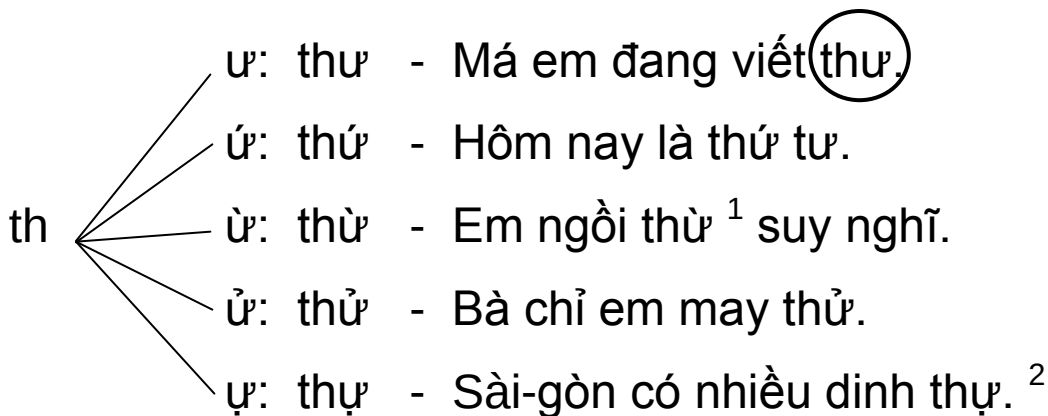
thờ-ư-thư-hỏi-thử

thự

thờ-ư-thư-nặng-thự

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Ngồi thờ: Ngồi yên lặng.

² Dinh thự: Nhà to lớn dành cho công chức cao cấp ở.

• Bài làm trong lớp.

Em đánh dấu X vào cột đúng hoặc sai cho mỗi câu.

	<u>Đúng</u>	<u>Sai</u>
Mẹ nghe bé Thư thở <u>thẻ</u> .	_____	_____
Mẹ nghe bé Thư thở <u>thế</u> .	_____	_____
<u>Chú</u> Thi là cha bé Thư.	_____	_____
<u>Chủ</u> Thi là cha bé Thư.	_____	_____
Chó tha <u>quả</u> lê vào nhà.	_____	_____
Chó tha <u>quà</u> lê vào nhà.	_____	_____
Ba bà <u>già</u> đi chợ xa.	_____	_____
Ba bà <u>dà</u> đi chợ xa.	_____	_____
<u>Gia</u> dẻ bé Thư đo đở.	_____	_____
<u>Da</u> dẻ bé Thư đo đở.	_____	_____
Chú Thi <u>nghe</u> sợ cho dữ.	_____	_____
Chú Thi <u>ghê</u> sợ chó dữ.	_____	_____

Đói cho sạch, rách cho thơm.

• Chính tả.

Thầy cô đọc cho các em viết chính tả theo những câu ở cột đúng của trang trước.

• Em học hát.

Đàn Gà Con

Một đàn gà con đùa vui vui,
Bỗng có tiếng la can đôi gà đá.
Mẹ gà trông thấy lòng đau đau.
Nước mắt lăn chã rơi
ôm con vào lòng

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

thở ra
tha thứ
quả lê

thi
có thư
thỏ

thư thả
sợ chó
thủ

1.



Mẹ đã _____

2.



Ba _____ nhà

3.



Em thả _____

4.



Chị em _____ thi

5.



Bà đi _____

6.



Chó tha _____

7.



Chị Thu _____

8.



Bé Thư _____ thẻ

9.



Chi đi _____ thử

BÀI MƯỜI BỐN

• Em học ghép chữ:

$$t + r = tr \text{ (trờ)}$$

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Tr ò  Trễ xe đò	2. Tr ả  Trẻ thả diều	3. Tr í  Trò Trí đi học
4. Tr ú  Tre trúc lơ thơ	5. Tr á  Trà đá ngon quá!	6. Tr á  Trăng thu trong sáng

• Em ráp vần:

tr + a = tra

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

tra

trờ-a-tra

trá

trờ-a-tra-sắc-trá

trà

trờ-a-tra-huyền-trà

trả

trờ-a-tra-hỏi-trả

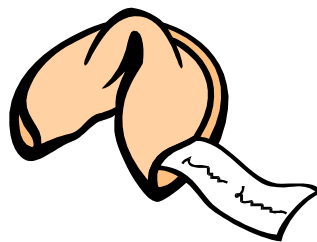
trã

trờ-a-tra-ngã-trã

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- | | | |
|----|--------|---|
| tr | a: tra | - Cô em <u>tra</u> hỏi ¹ nó. |
| | á: trá | - Nhớ đừng có gian trá. ² |
| | à: trà | - Ba má đang uống trà. |
| | ả: trả | - Mua nhà phải trả giá. |



¹ Tra hỏi: Bắt phải nói sự thật.

² Gian trá: Dối gian, không ngay thẳng.

• Em ráp vần:

tr + u = tru

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

tru

trờ-u-tru

trú

trờ-u-tru-sắc-trú

trù

trờ-u-tru-huyền-trù

trủ

trờ-u-tru-hỏi-trủ

trữ

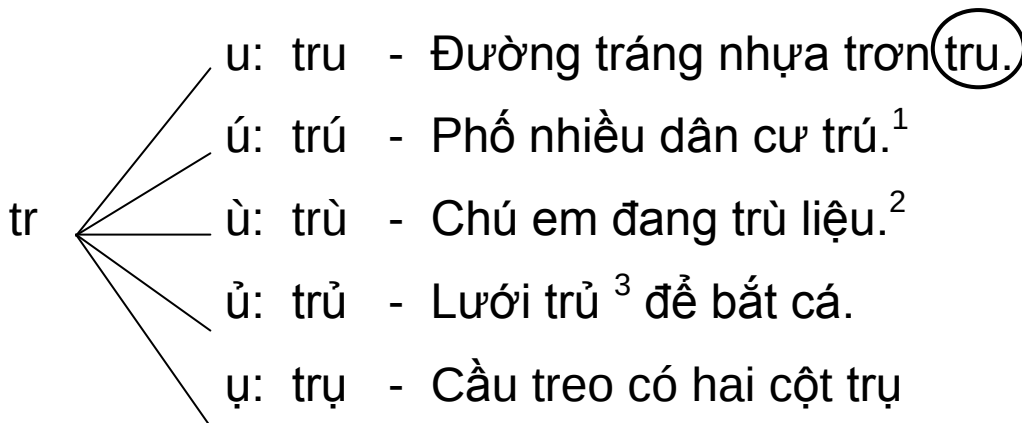
trờ-u-tru-ngã-trữ

trụ

trờ-u-tru-nặng-trụ

• Em ráp vần + Đặt câu bằng miệng:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Cư trú: Dân có nhà ở một nơi nào đó.

² Trừ liệu: Tính toán, sắp xếp công việc.

³ Lưới trữ: Lưới đan bằng tơ gốc rất dày.

• Bài làm trong lớp.

Em đánh dấu X vào cột đúng hoặc sai cho mỗi câu.

	<u>Đúng</u>	<u>Sai</u>
Cha Tú pha <u>trà</u> cho bà.	_____	_____
Cha Tú pha <u>chà</u> cho bà.	_____	_____
Mẹ bé Trí đi chợ về <u>trề</u> .	_____	_____
Mẹ bé Trí đi chợ về <u>trẽ</u> .	_____	_____
Chó tru <u>nghe</u> ghê sợ.	_____	_____
Chó tru <u>ghe</u> ghê sợ.	_____	_____
Trẻ nhỏ <u>là</u> the the.	_____	_____
Trẻ nhỏ <u>la</u> the the.	_____	_____
Cha mẹ đã <u>trở</u> về nhà.	_____	_____
Cha mẹ đã <u>trở</u> về nhà.	_____	_____
Trò Tú về quê <u>ngĩ</u> hè.	_____	_____
Trò Tú về quê <u>ngỉ</u> hè.	_____	_____

Tre già măng mọc.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu ở cột đúng trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Trẻ Thơ

Trẻ thơ phơi phới.
Như búp măng non.
Tâm hồn trắng trong.
Như tờ giấy mới.
Chúng con mong đợi.
Người chép vào đây.
Những điều lành ngay.
Mỗi ngày mỗi đẹp.

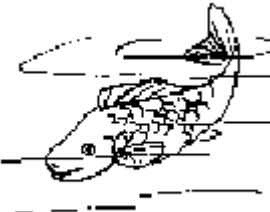
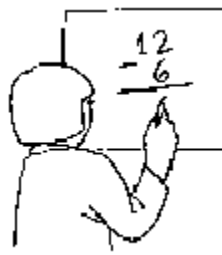
• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

trừ
Thẻ
bộ

trê
quá
trà

tre
chị
xe

1.  Trả vở cho ____	2.  Cá trê nhỏ ____	3.  Bà có li ____
4.  Lá ____ nho nhỏ	5.  Trẻ nhỏ chơi ____	6.  Cá ____ bơi lội
7.  Em làm tính ____	8.  ____ cư trú	9.  Trò Tí đi ____

BÀI MƯỜI LĂM

- Em học ôn chữ ghép:

th

Phát âm: thờ

tr

trờ

gi

giờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

1. Th ồ



Thả cá vào hồ

2. Th ú



Thỏ, dê, gà là thú nhà

3. Tr ỏ



Trí là trờ nhỏ

4. Tr ơ



Trà thơm quá

5. Gi ê



Giỏ hoa đẹp ghê!

6. Gi ũ



Gió thổi bay mũ

Em ráp vần với chữ ghép **th** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
th + a	thả cá, tha thứ
th + e	the thé, lê thê
th + i	thi thử, bố thí
th + o	thỏ thẻ, thờ ơ
th + u	thú nhà, lá thư

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... tha thứ
 thả cá
 đi thi
 thú nhà
 lá thư

• Em ráp vần với chữ ghép **tr** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
tr + a	pha trà, trả nợ
tr + e	trẻ thơ, lá tre
tr + i	trí nhớ, tri ƠN
tr + o	trò nhỏ, ở trọ
tr + u	cư trú, chó tru

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... pha trà
..... trẻ giờ
..... trí nhớ
..... trẻ nhỏ
..... chó tru

- Em ráp vần với chữ ghép **gi** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gi + a	cụ già, giá rẻ
gi + o	gió to, giỏ cá
gi + ơ	giờ ra, thì giờ
gi + ư	giữ nhà, giữ gìn

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

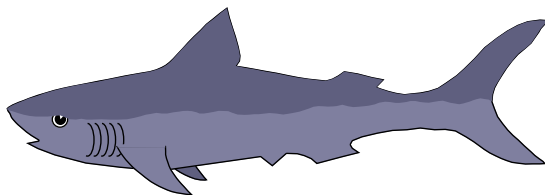
..... giá rẻ

..... gió to

..... giỏ cá

..... thì giờ

..... giữ gìn



Em tập đọc.

Thú nhà quê

Cha mẹ Thi giờ đã già,
Có thì giờ thư thả ở quê nhà.

Cha thì ra hồ thả cá,
Cá quả, cá trê, cá tra.
Ra ngó nụ cà, nụ khế trổ hoa,
Quả cà, quả lê nho nhỏ . . .

Mẹ thả chó để giữ nhà,
Thả gà, dê, bò và thỏ.
Cho tha hồ ăn lá, ăn cỏ.
Phụ cha pha trà, cà phê,

Mẹ cha lo giữ cả trẻ nhỏ.
Chớ để lũ nhỏ bê trễ đi về,
Thú nhà quê, thú về già,
Bỏ đô thị, gìn giữ nếp ông cha.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

BÀI MUỖI SÁU

• Em học ôn chữ ghép:

gh

Phát âm: gờ-hát

ngh

ngờ-hát

kh

khờ

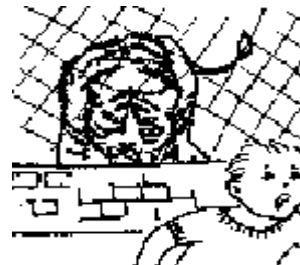
Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

1. Gh ờ



Ghe đồ ghé bờ

2. Gh ữ



Ghê sợ hổ dữ

3. Ngh ê



Nghé kêu nghé ngo

4. Ngh ể



Nghỉ hè ở bờ bể

5. Kh ả



Khỉ ăn quả khế

6. Kh ú



Khu phố trù phú

- Em ráp vần với chữ ghép **gh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gh + e	ghe đồ, ghẻ lở
gh + ê	ghế gỗ, ghê sợ
gh + i	ghi nhớ, ghi ơn

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ghe đồ
 ghê sợ
 ghẻ lở
 ghi ơn
 ghế gỗ



Em ráp vần với chữ ghép **ngh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ngh + e	nghe, nghe ngo
ngh + ê	nhệ sĩ, củ nghệ
ngh + i	nhỉ ngờ, nhĩ hê

• Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... nghe lời
..... củ nghệ
..... nhĩ hê
..... nhĩ ngờ
..... có nghệ



Em ráp vần với chữ ghép **kh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
kh + a	kha khá, khề khà
kh + e	khe khẽ, khe hở
kh + i	khỉ già, ngủ khì
kh + o	kho cá, nhà kho
kh + u	khu phố, lù khù

• **Em tập đặt câu.**

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... kha khá
 khe khẽ
 ngủ khì
 kho cá
 khu phố

• **Em tập đọc.**

Ba bà đi chợ

Ba bà già đi chợ xa.

Khi đi khi nghỉ.

Cụ thở phì phò.

Cụ ho khù khụ.

Cụ thì nghe khó.

Ba bà ghé chợ ăn quà.

Cụ mê chả giò, chả quế.

Cụ thì ăn quả quê nhà,

Như quả lê, quả khế.

Cụ khề khà li trà,

Li cà phê, tô phở.

Để chủ ghi sổ nợ,

Ba bà thư thả về nhà.

Khi đi khi nghỉ.

Nghĩ mà vui ghê.

• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI MƯỜI BẢY

- Vần:** **ai** **ay** **ây**
Phát âm: a-i-ai a-i-cờ-rét-ay ó-i-cờ-rét-ây

Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + i = ai	tai phải (tờ-ai-tai phờ-ai-phai-hỏi-phải)
a + y = ay	máy bay (mờ-ay-may sắc máy bờ-ay-bay)
â + y = ây	nhảy dây (nhờ-ay-nhay hỏi nhảy dờ-ây-dây)

• Bài tập.

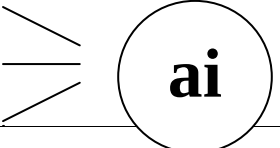
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

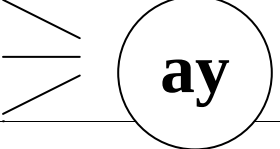
trái cam - nhảy dây

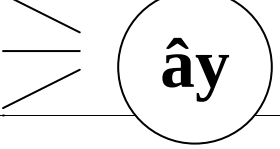
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ây ay	am ái
	
Em hay _____	Mai vẽ _____

Em ráp vần:

c + ai		cai (cờ-ai-cai)	cái (cờ-ai-cai-sắc-cái)	cãi (cờ-ai-cai-ngã-cãi)
h		số hai	hái trái	sợ hãi
t		lỗ tai	tài xế	tại đây
m		ngày mai	mái nhà	nhớ mãi

b + ay		bay (b-ay-bay)	bày (bờ-ay-bay-huyền-bày)	báy (bò-ay-bay-sắc-báy)
m		may áo	máy may	ăn mày
n		ngày nay	cái này	áy này
b		máy bay	bày bán	số bảy

d + ây		dây (dờ-ây-dây)	dầy (dờ-ây-dây-huyền-dầy)	dậy (dờ-ây-dây-nặng-dậy)
c		cây trái	cây lúa	cây tơ
m		mây bay	thứ mấy	tao mậy
th		thây kệ	thấy rõ	thầy trò



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Tai em để nghe. Tay em để làm việc. Em quý thầy cô.	. . . có tài chạy hay làm thấy máy bay . . .

- **Phân biệt vần: ai ay.**

mai may cai cay tai tay

- **Tập đọc.**

Má và Mai

Má và Mai ở nhà.
Mai dỗ bé *ngủ say*.
Má dạy Mai nhảy dây.
Mai nhảy, má vỗ tay.

- **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ai, ay, ây** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ai, ay, ây** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

Thí dụ: **Mai ở nhà, Mai dỗ bé**

.....
.....
.....
.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Chi vẽ cà. Em hay dây. em để nghe. em để làm việc. Em quý cô.	Chi vẽ trái cà.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Nhà em có <u>câi</u> mai. Em bé ngủ <u>sai</u> . Chị Mai <u>nhải</u> đây. Bà <u>mai</u> vá.	Nhà em có cây mai.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Má và Mai" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Nhà Em

Ba ở nhà *máy giấy*.
 Mẹ em thì *đi dạy*.
 Bà ở nhà *vá may*.
 Em thì lo học bài.

- **Giải nghĩa:**

- *Ngủ say*: Ngủ không còn hay biết gì. .

Ăn cây nào, rào cây nấy.

BÀI MUỖI TÁM

• **Vần:**

Phát âm:

am

a-mờ-am

ăm

á-mờ-ăm

âm

ó-mờ-âm

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + m = am	làm bài (lờ-am-lam-huyền-làm bờ-ai-bai-huyền-bài)
ă + m = ăm	nắm tay (nờ-ăm-năm-sắc-nắm tờ-ay-tay)
â + m = âm	cắm đi (cờ-âm-câm-sắc-cắm đờ-i-đi)

• **Bài tập.**

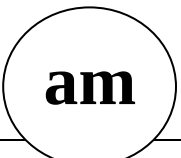
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

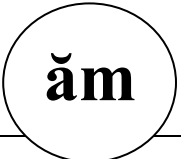
chăm chỉ - ăm ỉ

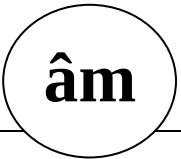
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

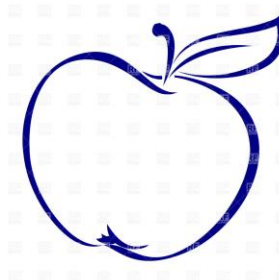
Âm ăm  Âm nhạc _____	àm ăm  Mai _____ làm bài
---	--

• Em ráp vần:

c + am cam cá^m cắ^m			
<i>(cờ-am-cam) (cờ-am-cam-sắ^c-cá^m) (cờ-am-cam-hỏi-cắ^m)</i>			
h		ham	hám
nh		nham	nhám
th		tham	thám

c + ă^m cắ^m cắ^m cắ^m			
<i>(cờ-ắ^m-cắ^m) (cờ-ắ^m-cắ^m-huyền-cắ^m) (cờ-ắ^m-cắ^m-sắ^c-cắ^m)</i>			
n		năm	nắ ^m
t		tăm	tắ ^m
đ		đăm	đắ ^m

đ + â^m đâ^m đầ^m đậ^m			
<i>(đờ-â^m-đâ^m) (đờ-â^m-đâ^m-huyền-đầ^m) (đờ-â^m-đâ^m-nặng-đậ^m)</i>			
c		câm	cắ ^m
ch		châm	chắ ^m
t		tâm	tắ ^m



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Bà cho em quả cam . Năm nay bé lên năm . Bà cho bé áo đầm .	... tham ăn Em tắm mặc áo ấm ...

Tập đọc.

Bé Tâm

Bé Tâm rất **chăm chỉ** học. Mỗi ngày em làm bài đầy đủ. Tâm có bạn là Thắm. Thắm cần gì Tâm cho ngay. Mẹ dặn Tâm : "Chớ có **tham lam**, lấy vật gì của ai".

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **am, ăm, âm** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **am, ăm, âm** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

Thí dụ: Bé Tâm chăm chỉ

.....

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bé chỉ làm bài. Bà cho bé quả nhạc âm ỉ. Bà cho bé áo Năm nay bé lên	Bé chăm chỉ làm bài.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Năm nay, Mai lên <u>tắm</u> . Mẹ đi phố <u>xắm</u> đồ. Bà có quả <u>câm</u> to. Ba biếu bà trà <u>xâm</u> .	Năm nay, Mai lên tám.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài “Bé Tâm” cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Thăm Bà

Ba lái xe chậm chậm.
Về quê để thăm bà,
Ba biếu bà **trà sâm**.
Bà khen trà quý quá.

- **Giải nghĩa:**

- **Chăm chỉ:** Làm công việc gì có ích một cách chú ý và đều đặn. – **Tham lam:** Thích vơ vét về phần mình cho nhiều. - **Trà sâm:** Loại trà được biến chế từ củ sâm.

Ăn lắm hết ngon, nói lắm hết lời khôn.

BÀI MƯỜI CHÍN

- **Vần:** **an** **ăn** **ân**
 Phát âm: a-nờ-an á-nờ-ăn ó-nờ-ân

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + n = an	bạn thân (bờ-an-ban-nặng-bạn thờ-ân-thân)
ă + n = ăn	săn bắn (sờ-ăn-săn bờ-ăn-băn-sắc-bắn)
â + n = ân	bàn chân (bờ-an-ban-huyền-bàn chờ-ân-chân)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

trán nhãn - săn bắn

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

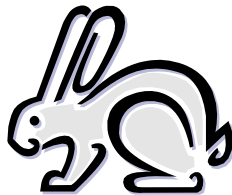
ăn ăn  Cha đi _____	ăn án  Cụ già _____
--	---

- Em ráp vần:

b + an ban bán bạn (bờ-an-ban) (bờ-an-ban-sắc-bán) (bờ-an-ban-nặng-bạn)			
c nh th	an	can	cán
		nhân sắc	trái nhãn
		than	thán

b + ăn bần bấn (bờ-ăn-bần) (bờ-ăn-bần-sắc-bấn)			
c n s	ăn	cận	cấn
		ăn năn	năn
		đi săn	củ sắn

d + ân dân dân dận (dờ-ân-dân) (dờ-ân-dân-huyền-dân) (dờ-ân-dân-nặng-dận)			
h ph tr	ân	hân	hấn
		phân	phấn
		trân	trấn



- Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Em có bạn thân . Chú em đi săn nai. Mẹ em cần đi chợ.	... lau bàn áo ngắn phấn màu ...

• **Tập đọc.**

Bạn Em

Em có cô bạn thân ở gần nhà. Ngày ngày, em đi học với bạn. Tan học, bạn và em về ngay nhà để cha mẹ **an tâm**. Mẹ **ân cần** săn sóc chúng em.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **an, ă, â** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **an, ă, â** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

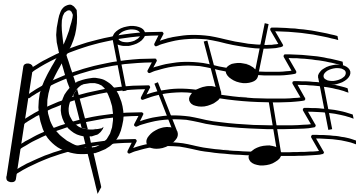
Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cụ già trăn	
Ba đi săn	
Mẹ em đi chợ.	
Chú em đi nai.	
Em có cô bạn	

• Việt sử.

Con Rồng Cháu Tiên *

Nguồn cội tổ tiên,
Từ thửa hoang sơ.
Có Lạc long Quân.
Cưỡi sóng vào bờ.
Lấy nàng tiên nữ.
Tên là Âu Cơ.
Sinh ra trăm trứng.
Ơn trời cho nở.
Trăm con *sởn sở*.

(xem tiếp trang 132)



• Bài hát.

Hát Vui

Cùng *quây quần*, ta vui, vui, vui.
Ta hát với nhau, chơi, chơi, chơi.
Rồi lên tiếng reo cười, cười, cười.
Làm vui thú bao người, người, người.

• Giải nghĩa:

- *An tâm*: Yên tâm. - *Ân cần*: Làm một cách tích cực, nhiệt thành.
- *Sởn sở*: Có dáng vẻ tươi tắn.
- *Quây quần*: Tụ tập, xúm xít lại trong cảnh đầm ấm.

Ăn bữa trưa, chừa bữa tối.

* Bài đọc thêm ở cuối sách

BÀI HAI MƯƠI

Ôn bài 17.

- **Tập đọc có vần:**

ai	ay	ây
Tài học vân ai: vai phải vai trái. Mẹ Tài mài dao thái thịt.	Bác Bảy vay tiền mua máy xay lúa. Hôm nay ăn chay cả ngày.	Tài thấy máy bay qua mây. Thầy cô thấy vậy dạy vẽ máy bay.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ai** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ay** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ây** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- **Đặt câu**

hai tay:

máy bay:

cây cam:

Ôn bài 18.

• Tập đọc có vần:

am	ăm	âm
Bé Nam ham vẽ: Tấm Cám trái cam, số tám. Tấm thắm màu xám.	Cô Thắm chăm lễ ngày rằm. Bé Năm nằm vẽ con tằm, nằm xôi.	Tâm mặc áo ẩm đỏ đậm. Mẹ cảm bé Trâm, ngậm tằm, cầm dao.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **am** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âm** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

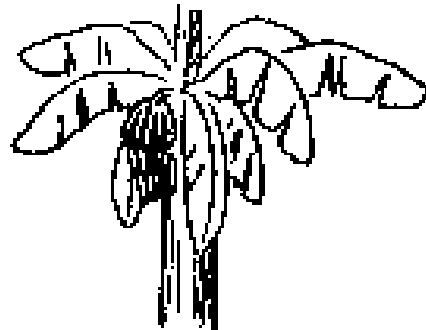
• Câu đố:

1. Không sơn mà đỏ.
Đố là gì ?



Mặt _____

2. Không bào mà nhẵn.
Đố là cây gì ?



Cây _____

Ôn bài 19.

• Tập đọc có vần:

an	ăn	ân
Chị Lan đàn hát ban đêm. Mẹ than nhàm chán can ngăn nghỉ đàn.	Muốn ăn phải lặn vào bếp. Bé Văn chăn trâu bị rắn cắn chân.	Chị Vân tay chân đầy phần. Cẩn thận chớ bận quần áo dơ bẩn.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **an** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăn** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ân** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

nắm tay:

Em ăn:

tay chân:

- **Tập đọc - Chính tả.**

Anh Lâm và chị Lan

Tối nay anh Lâm đưa chị Lan đi ăn. Chị Lan căn dặn anh Lâm cần nên xem bản đồ để khỏi đi lạc lối.

Bản đồ có bốn hướng: Đông, Tây, Nam và Bắc.

Nhờ vậy, anh chị tìm ra tiệm ăn dễ dàng.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ai, ay, ây.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **am, ăm, âm.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **an, ăn, ân.**
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

Thí dụ: Anh Lâm, chị Lan

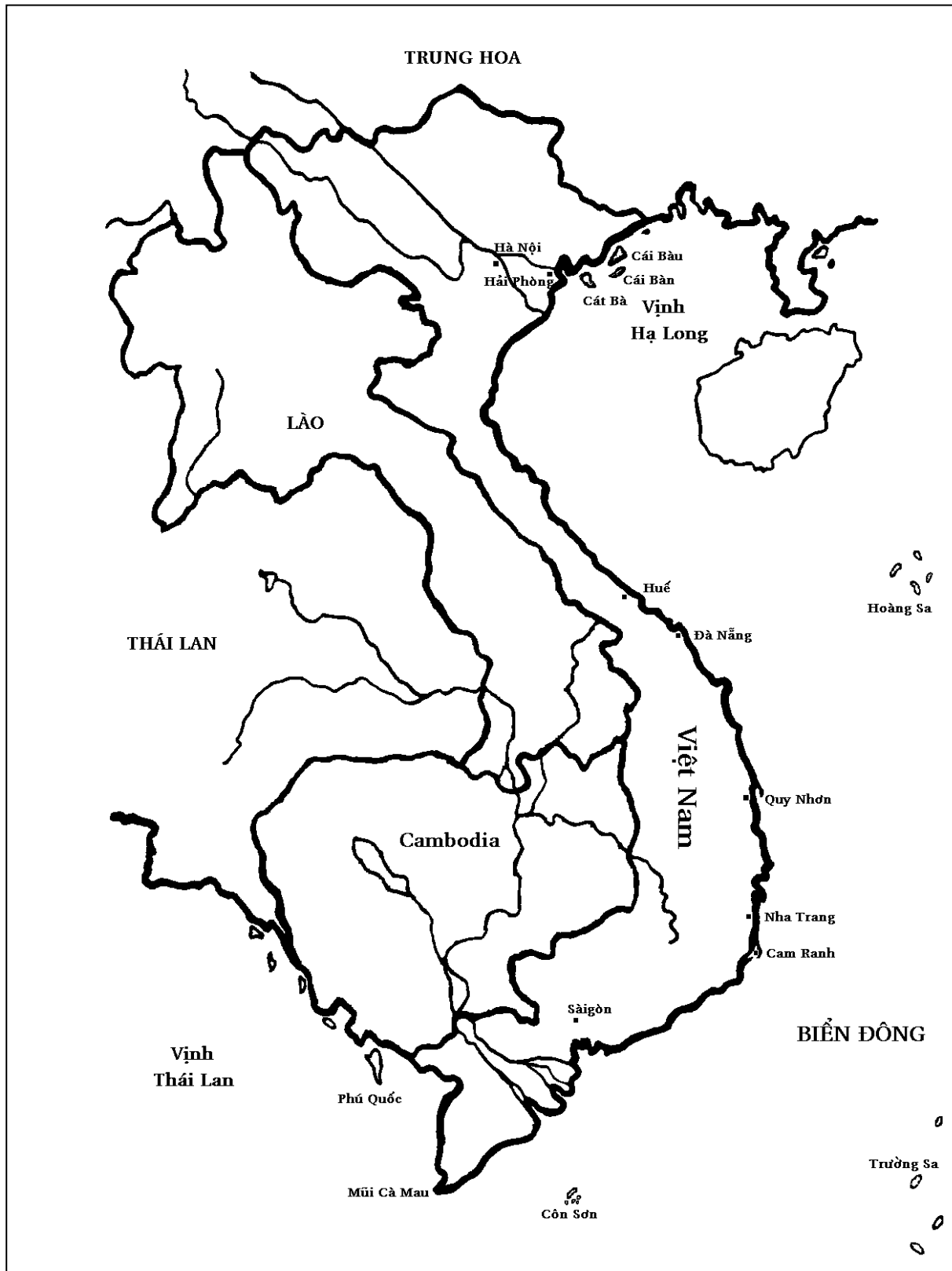
- **Địa lí.**

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Tham thì thâm.

- Tô màu bản đồ Việt Nam



BÀI HAI MƯƠI MỐT

- **Vần:** **ao** **au** **âu**
 Phát âm: a-o-ao a-u-au ó-u-âu

Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + o = ao	trái đào (trờ-ai-trai-sắc-trái đờ-ao-đao-huyền-đào)
a + u = au	lau bàn (lờ-au-lau bờ-an-ban-huyền bàn)
â + u = âu	châu chấu (chờ-âu-châu chờ-âu-châu-sắc-chấu)

● **Bài tập.**

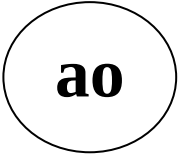
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

trái đào - châu chấu

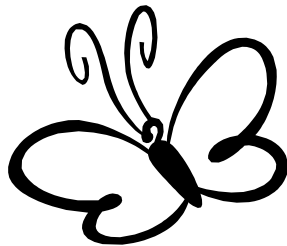
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ầu ầu  Cào cào _____	ào ái  Mai ăn _____
---	--

• Em ráp vần:

b + ao bao báo bảo			
<i>(bờ-ao-bao) (bờ-ao-bao-sắc-báo) (bờ-ao-bao-hỏi-bảo)</i>			
c		cao	cáo
ph		phao	pháo
tr		trao	tráo

d + âu dâu dẫu dậu			
<i>(dờ-âu-dâu) (dờ-âu-dâu-sắc-dẫu) (dờ-âu-dâu-nặng-dậu)</i>			
s		sâu	sấu
ch		châu	chấu
tr		trâu	trấu



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Nhà em ở gần ao. Sân sau có cây dâu. Bà ăn trâu và cau.	... núi cao hồ sâu trâu to hơn ...

- **Tập đọc.**

Đi Sở Thú

Cô dẫn cả lớp ngày mai mặc áo màu nâu để cô dẫn đi sở thú. Đến sở thú, em coi cá sấu, con hổ, con trâu, con sư tử, và con báo. Sau đó, cô dẫn cả lớp đi xem con sâu và con cào cào.

- **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ao, au, âu** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ao, au, âu** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mai ăn trái	
Bà ăn và cau.	
Cào cào và chấu.	
Nhà em ở ao.	
Sân có cây dâu.	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bà dẫn bé đi <u>đầu</u> ? Bé đi ra <u>săn</u> sau. Ba em bị <u>đao</u> đầu. Ba má hay lo <u>au</u> .	

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài “Đi Sở Thú” cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Má lo âu

Chị em đi về trễ,
Để má phải lo âu.
Nào hay chị đi đâu ?
Mà sao lâu về thế !

- **Giải nghĩa:**

- **Sở Thú:** nơi tập hợp nhiều loài động vật khác nhau để làm nơi tham quan và nghiên cứu.

Con sâu làm rầu nồi canh.

BÀI HAI MƯƠI HAI

- **Vần:** **ac** **ăc** **âc**
 Phát âm: a-cờ-ac á-cờ-ăc ớ-cờ-âc

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + c = ac	bác sĩ (bờ-ac-bac-sắc-bác sờ-i-si-ngã-sĩ)
ă + c = ăc	mặc áo (mờ-ăc-măc-nặng-mặc a-o-ao-sắc-áo)
â + c = âc	trái gấc (trờ-ai-trai-sắc-trái gờ-âc-gâc-sắc-gấc)

● Bài tập.

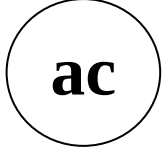
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

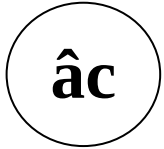
Bác sĩ - mặc áo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ăc ăm  Cụ già _____ ăm	ác ăm  _____ khám tai
--	--

• Em ráp vần:

b + ac		bác (bờ-ac-bac-sắc-bác)	bạc (bờ-ac-bac-nặng-bạc)
l		lác đác	lạc đà
kh		khác xa	khắc nhỏ
nh		nhác	nhạc sĩ

t + âc		tắc (tờ-âc-tâc-sắc-tắc)	tặc (tờ-âc-tâc-nặng-tặc)
b		gió bắc	bạc
nh		nhắc lên	
gi		giấc mơ	



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Bà cho bé áo khác . Mẹ nhắc em làm bài. Chớ phá giấc ngủ em.	. . . giày khác mặc áo xoi giấc . . .

• Tập đọc.

Gió Bắc

Gió bắc đã thổi về.
Qua ngàn cây *xào xạc*.
Mưa rơi rơi lác đác.
Em mặc áo dày ghê,
Mà vẫn thấy *giá rét*.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ac, ăc, âc**.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ac, ăc, âc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mẹ em làm bài.	
Cụ già áo ấm.	
Chó phá ngủ bé.	
. sĩ khám tai.	
Bà cho bé áo	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Xôi <u>gắc</u> màu đỏ. Em <u>mắt</u> áo <u>ám</u> . Em bé ngủ <u>gác</u> . Em có <u>bắc</u> và chú.	

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài “Gió Bắc” cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Bé Ca

Bé Mai vừa thức giấc.
Bà nhắc bé Mai ca.
Bé ca bài “Vui Hát”.
Bà và bác khen hay.

- **Giải nghĩa:**

- **Gió bắc:** Gió thổi từ phương Bắc xuống. - **Xào xạc:** Tiếng lá cây va chạm nhẹ vào nhau. -
Giá rét: Lạnh nhiều.

Chớ thấy sóng cả, mà ngã tay chèo.

BÀI HAI MƯƠI BA

- **Vần:** **ap** **ăp** **âp**
 Phát âm: a-pờ-ap á-pờ-ăp ó-pờ-âp

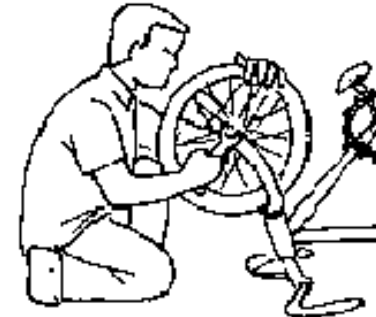
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + p = ap	xe đạp (xờ-e-xe đờ-ap-đạp-nặng-đạp)
ă + p = ăp	lắp ráp (lờ-ăp-lắ-sắc-lắ rờ-ap-ráp-sắc-ráp)
â + p = âp	cá mập (cờ-a-ca sắc-cá mờ-âp-mập-nặng-mập)

• **Bài tập.**

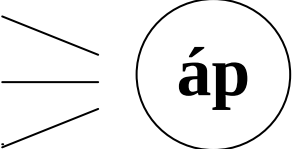
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

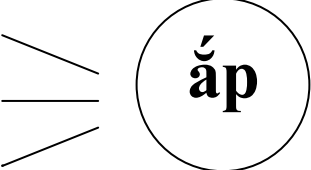
xe đạp - cá hấp

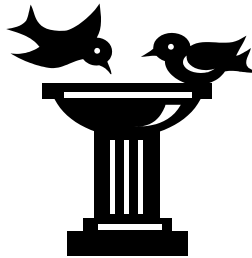
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

áp ăn  Má ăn _____	ap áp  Tâm ráp _____
--	---

• Em ráp vần:

nh + ap nháp (làm nháp) nhập (tạp nhập)		
<i>(nhờ-ap-nhap-sắc-nháp)</i> <i>(nhờ-ap-nhap-nặng-nhập)</i>		
r ng th		ráp
		ngáp
		tháp

g + ắp gắp gấp		
<i>(gờ-ắp-gắp-sắc-gắp)</i> <i>(gờ-ắp-gắp-nặng-gấp)</i>		
c l ch		cắp
		lắp
		chấp



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Nhà thờ có tháp cao. Nhà ở có ngăn nấp. Chỗ thấp dễ ngập lụt.	... ngáp ngủ sắp về cá mập ...

• **Tập đọc.**

Bà Dặn Cháu

Làm việc chớ hấp tấp.
 Đi chậm đờ vấp ngã.
 Nhà ở phải ngăn nắp.
 Cố chăm lo học tập.
 Khó nhọc mới nên người.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ap, ăp, âp** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ap, ăp, âp** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Nhà ở có ngăn	
Tâm xe đạp.	
Chỗ thấp dễlụt.	
Má em ăn cá	
Nhà thờ cócao.	

- **Viết sử.**

Con Rồng Cháu Tiên *

(Tiếp trang 115)

Năm mươi con thơ.
Theo mẹ lên non.
Năm mươi cùng cha,
Hương về biển Đông.
Dựng nước Văn Lang,
Hơn bốn ngàn năm.
Lưu truyền nòi giống,
Con Rồng cháu Tiên.



- **Bài hát.**

Cười làm quen

Một cái cười làm quen,
Hai tay cùng giơ bắt.
Hai cái cười làm quen,
Chúng ta kết thân nào.

- **Giải nghĩa:**

- *Lưu truyền:* Truyền lâu dài tới đời sau.

Ăn theo thừa, ở theo thì.

* Bài đọc thêm ở cuối sách

BÀI HAI MƯƠI BỐN

Ôn bài 21.

• Tập đọc có vần:

ao	au	âu
Chị Đào ra vào chào hỏi. Đào giỏi thể thao: nhảy sào, nhảy cao.	Bác Màu đến sau hãy mau lên tàu. Bé Sáu láu táu ngã đau.	Ở đâu có trâu, sáo sậu, châu chấu, đàn bầu, trầu cau, củ ấu?

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ao** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **au** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âu** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu:

Trái táo:

Màu nâu:

Lau bàn ghế:

Ôn bài 22.

• Tập đọc có vần:

ac	ăc	âc
Bác em nhạc sĩ nghe nhạc. Gà ác bới rác lạc đàn nhón nhác.	Bé Đắc mặc áo bền chắc. Mẹ nhắc bé mặc tức khắc.	Bé ăn xôi gác nắc cụt. Bé ngủ một giấc. Tắc đất, tắc vàng.

• Bài tập.

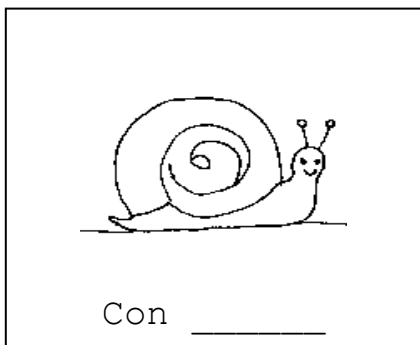
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ac** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố.

1. Đi thời mở cửa.

Về thời đóng cửa.

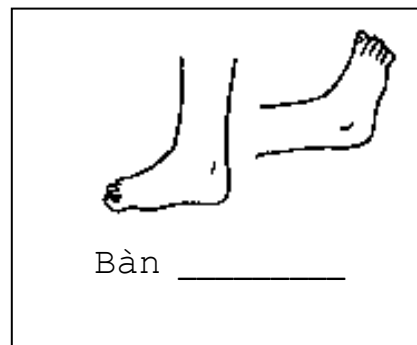
Đố là con gì ?



2. Đi nằm, đứng nằm, ngồi nằm.

Nằm thì ngồi.

Đố là cái gì ?



Ôn bài 23.

• Tập đọc có vần:

ap	ăp	âp
Chú Giáp lắp ráp xe đạp của Pháp. Giáp đạp xe đạp chậm chạp.	Gặp bà rằm rắp chấp tay vái chào. Trong cặp đầy ắp hạt bắp.	Cá mập nhấp nhô. Bác Lập ăn gắp gà hấp thập cẩm béo mập.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ap** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âp** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu:

Ngáp ngủ:

Ăn bắp:

Ăn cá hấp:

- **Tập đọc - Chính tả.**

Bà Kể Các Cháu Nghe

Ông bà quê ở miền Bắc Việt Nam giáp Tàu.

Trăm năm qua, ăn no mặc ấm là giấc mơ của dân quê ta. Ở đó, có gió bắc rét run cầm cập. Khi đau (ôm) khó gặp bác sĩ mà chỉ có thầy thuốc bắc. Nghe qua, các cháu lắc đầu ái ngại.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **au, âu, ac, ăc, ắc, ap, ăp, ập.**
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- **Địa lí.**

Vị Trí Việt Nam

Nước Việt Nam ở Đông Nam châu Á. Phía bắc giáp với nước Trung Hoa, phía tây giáp với nước Lào và nước Cambodia.

- **Giải nghĩa:**

- **Tàu:** Nước Trung Hoa. - **Cầm cập:** Run rẩy, rãng va chạm vào nhau vì lạnh.
- **Ái ngại:** Có phần lo lắng cho hoàn cảnh người khác.

Máu chảy ruột mềm.

Kì thi cuối khóa Bài thi mẫu cấp 2

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài “Tập đọc” hoặc “Tập đọc - Chính tả” do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 3 đến 5 vần như: ay, ăm, au,)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài:

.....

..

.....

..

II- Viết lại cho đúng chính tả (6 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 6 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 8)

Thí dụ:

Em bé ngủ sai.

1. ***Em bé ngủ say***

2.

3.

4.

5.

7.

III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 2 hay 3 từ để điền vào chỗ trống theo bài “Tập đọc” hoặc “Tập đọc - Chính tả”.

Thí dụ:

trà sâm, quý quá, chậm chậm.

Về Thăm Bà

Ba lái xe

Về quê để thăm bà,

Ba biểu bà

Bà khen trà

IV- Học thuộc lòng (22 điểm).

Chép lại một trong hai bài "Học thuộc lòng" đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Ráp chữ hoặc vần (10 điểm).

Chọn chữ hoặc vần trong dấu ngoặc cuối câu để ráp thành từ hợp nghĩa.

Thí dụ:

- Tâm đi ____e đạp về nhà

(s hay x)

1-

(... hay ...)

2-

(... hay ...)

.....

(... hay ...)

6. Nhớ bỏ vở vào c_____

(ắp hay ập)

7.

(... hay ...)

.....

(... hay ...)

10.

(... hay ...)

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên
 Sinh ra trăm trứng.
 Ôn trời cho nở,
 Trăm con sồn sồn.
 Năm mươi con thơ,
 Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

BÀI LÀM

Ở NHÀ

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 1

• Tập viết.

Chú hề.

Chó dữ.

Chi ăn chả cá.

Chú cho Chi quà.

Chị em Chi học chữ.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (chữ, chủ)

Chó có _____

2. (chè, chữ)

Tú tô chữ A, Tý tô _____ B.

3. (Bé Bự, chả quế)

_____ ăn chè.

4. (sự tử, chó dữ)

Chú Tư sợ _____

5. (chị em, đi chợ)

Chi _____

Em đánh dấu X vào ô vuông của câu thích hợp với hình vẽ bên cạnh và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1.



- ☐ Cụ đi bộ từ từ.
- ☐ Cha đi vô sở.
- ☐ Mẹ bế em bé.

2.



- ☐ Bố che dù cho Chi.
- ☐ Chi ăn chả cá.
- ☐ Mẹ đi chợ xa.

3.



- ☐ Chú Tư cho Chi quà.
- ☐ Chú hễ cho Chi quà.
- ☐ Cha mẹ Chi hã hê.

4.



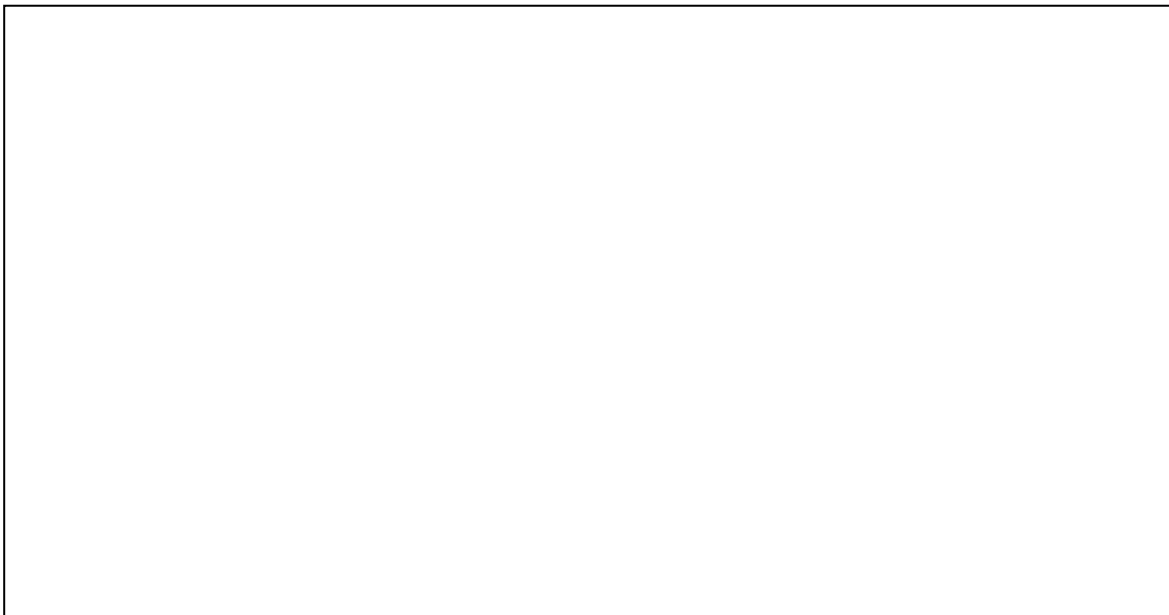
- ☐ Chú Tư sợ chó dữ.
- ☐ Chú Tư sợ hổ dữ.
- ☐ Chú Tư sợ con dê.

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ quả cà chua.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 2

- **Tập viết.**

Ghế gỗ.

Gò ghè.

Ghi ơn cha mẹ.

Ghe ghé vô bờ.

Em ghê sợ ghẻ lở.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (ghế, ghe đò)

Chị em Chi đi _____

2. (ghế gỗ, ghé)

Ghe chở _____

3. (ghi, ghê sợ)

Em _____ ở dơ.

4. (ghi ơn, ghẻ lở)

Em _____ cha mẹ.

5. (ghé, ghi)

Mẹ _____ em bé.

- Em đánh dấu X vào ô vuông của câu thích hợp với hình vẽ bên cạnh và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. 	☐ Ghe đã ghé vô bờ. ☐ Em ghê sợ ghẻ lở. ☐ Ở dơ sẽ bị ghẻ. _____
2. 	☐ Chú Ba có ghé gỗ. ☐ Con ghẹ bò trên cát. ☐ Ghe chở gỗ gụ. _____
3. 	☐ Cô đã ghi vô vở. ☐ Bé có vỗ sò tí ti. ☐ Chi vẽ vỗ sò vô vở. _____
4. 	☐ Bà ghì em bé. ☐ Mẹ cho em bé bú. ☐ Em bé bú no nê. _____

- **Chính tả:**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con cua.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 3

• Tập viết.

Từ giã.

Gió to.

Bố đi giỗ tổ.

Em giả bộ ngủ.

Đồ cũ giá rẻ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (Ba giờ, đã già)

_____ cha em đi vô sở.

2. (cụ già, giá rẻ)

Xe ô tô cũ _____ rẻ.

3. (giá cả, giả bộ)

Em bé _____ là chú hề.

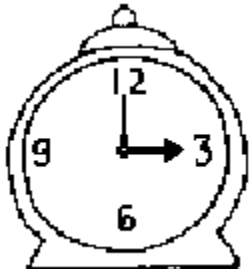
4. (chả giò, gió to)

Bố em mê ăn _____

5. (giỗ tổ, giữ nhà)

Có chó để _____

- Em đánh dấu X vào ô vuông của câu thích hợp với hình vẽ bên cạnh và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. 	☐ Em ăn chả giò. ☐ Chả giò to quá. ☐ Tú có giò chả.
2. 	☐ Có chó giữ nhà. ☐ Gió to đổ cây. ☐ Gió hú ghê sợ.
3. 	☐ Dì Ba đã già. ☐ Cụ già đi bộ. ☐ Bé giả bộ té.
4. 	☐ Bỏ cà vô giỏ. ☐ Giỏ có cà bể. ☐ Đồng hồ chỉ ba giờ.

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ chú hề.

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 4

- **Tập viết.**

Bà đã già.

Chú chỉ chỗ.

Chi đi ăn giỗ.

Chả giò, chả quế.

Cụ già giỗ tổ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (đi chợ, chở ghế, ghế lở)

Ghe đồ _____

Chi và mẹ _____

2. (cha mẹ, giá rẻ, ghê sợ)

_____ Chi đã già.

Tú _____ hổ dữ.

3. (ghe đồ, chở giò, cụ già)

Bố và mẹ ăn _____

_____ chở em về

quê.

4. (chả quế, đi ghe, ghé gổ)

_____ gụ, tủ gổ gổ.

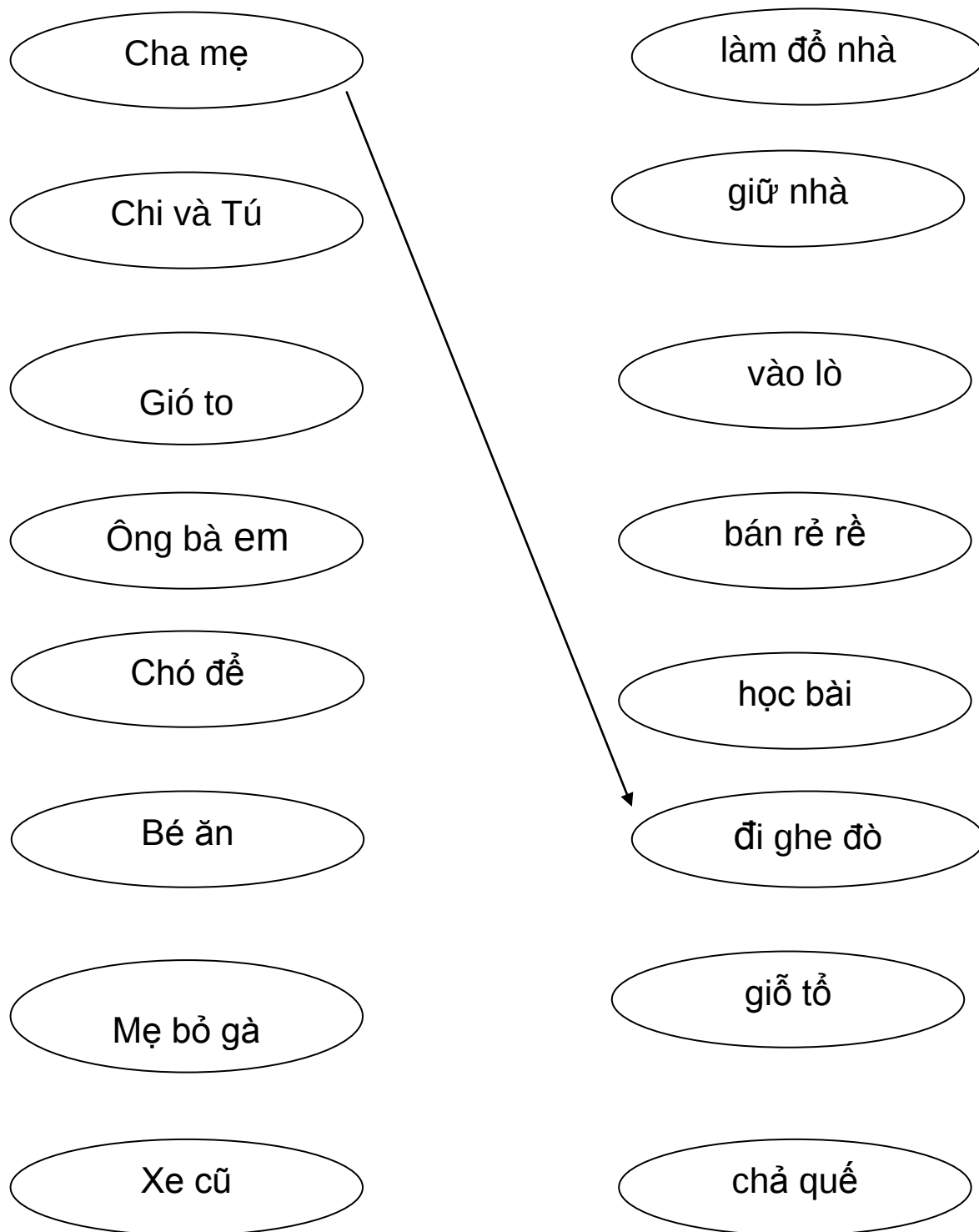
Chi và Tú ăn _____

5. (giá, gió to, che dù)

Đồ cũ _____ rẻ rẻ.

Mẹ _____ cho bé.

- Em nối các từ ở hai bên để thành một câu có nghĩa.

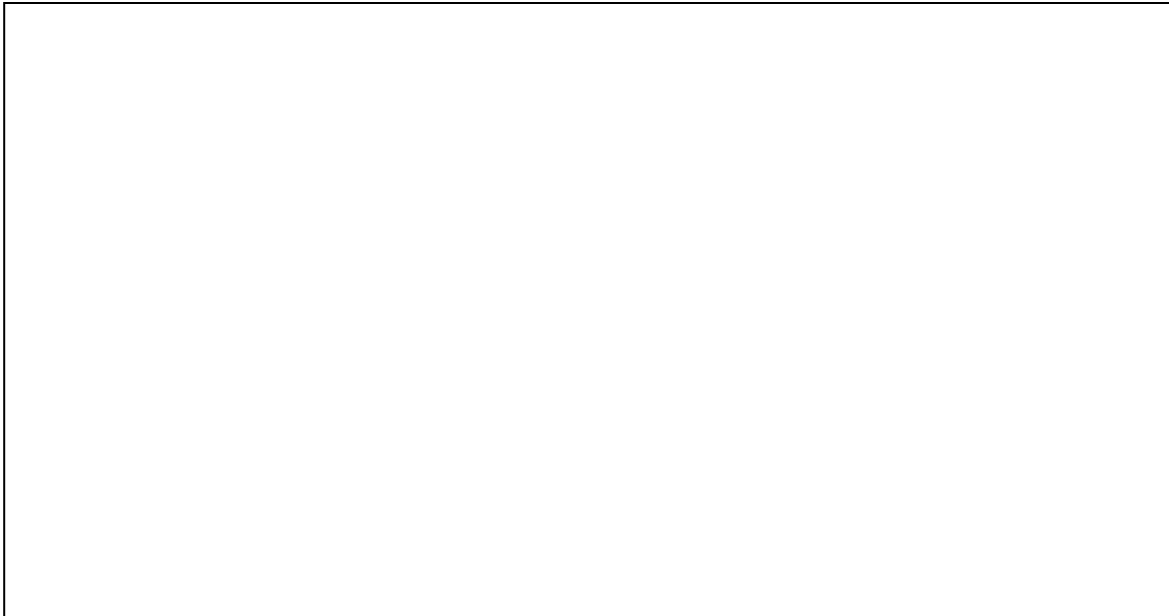


- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ đồng hồ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 5

- **Tập viết.**

Khò khè.

Khù khụ.

Khỉ già ăn khế.

Mợ Hai ca khe khẽ.

An ủi kẻ khù khờ.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (khe khẽ, ca sĩ, khò khè)

Cô em ca _____

2. (khù khờ, Khỉ già, khò khò)

_____ ăn khế.

3. (to quá, khù khụ, bé quá)

Cụ già ho _____

4. (kẻ khó, về quê, đi chợ)

Em chớ có khi _____

5. (ho khù khụ, ghê sợ, ngủ khò)

Ăn no để _____

- Em khoanh tròn từ bên cột A hoặc cột B rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

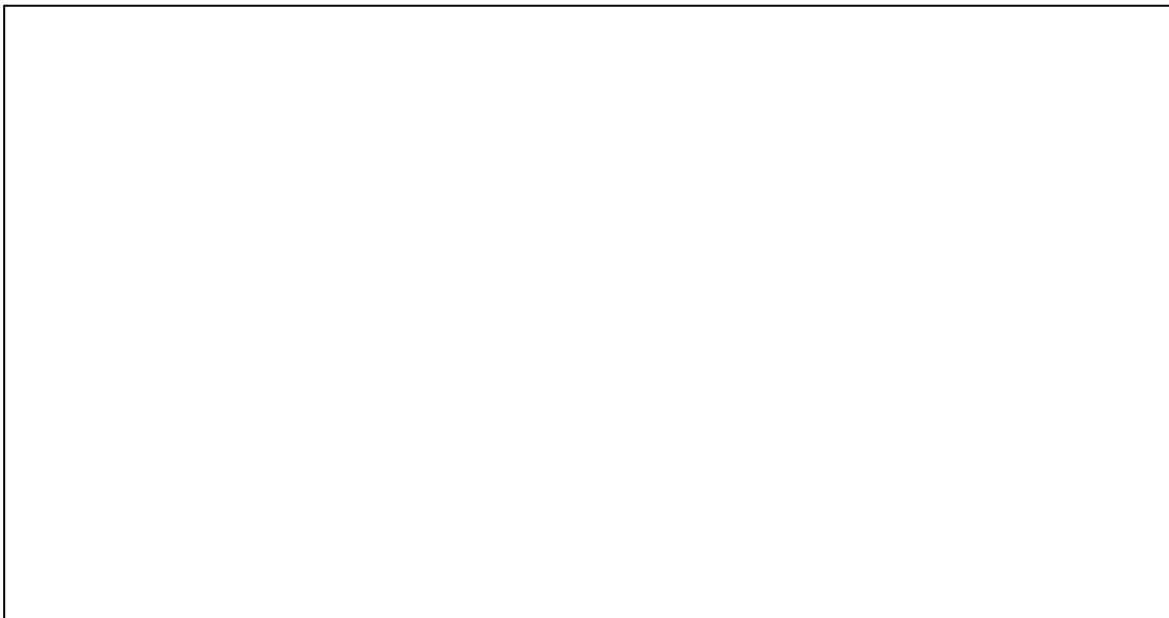
	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1- Chi làm bài _____	khá	khà
2- Chờ _____ kẻ khó.	khi	khỉ
3- Khỉ già ăn _____	khế	khề
4- Mẹ bé Tý _____ cá.	khỏ	kho
5- Chú Tư ăn cá _____	khổ	khô
6- Tủ hũ có _____ hờ.	khê	khe
7- Ăn no để ngủ _____	khó	khò
8- Cô Ba ca _____ khế.	khé	khe
9- Kẻ khó _____ sở.	khổ	khố

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con khỉ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 6

• Tập viết.

Đi ngủ.

Té ngã.

Em đi ra ngõ.

Chú Ba đã ngủ khì.

Ba có ngà voi to quá.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (ngủ, ngã, đi)

Tú và Tý _____ bị u đầu.

2. (mê, ngủ, ca)

Chị em bé Tú _____ khò khò.

3. (ngô, ngu, ngà)

Cha mẹ Chi có _____ voi to quá.

4. (về quê, ngủ nhè, đi chợ)

Bé chớ có _____

5. (chỉ chỗ, ra ngõ, ngu ngơ)

Cha bé Tú đi _____

- Em khoanh tròn từ bên cột A hoặc cột B rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1- Em đi ra _____ chờ mẹ.	ngõ	ngỏ
2- Mẹ bế bé đi _____	ngủ	ngũ
3- Con voi có hai _____	ngá	ngà
4- Tý _____ bị u đầu.	ngả	ngã
5- _____ về quê mẹ.	ngó	ngò
6- Em để cửa bỏ _____	ngỏ	ngõ
7- Con khỉ _____ quá.	ngộ	ngọ
8- Bé chớ có _____ nhè.	ngũ	ngủ
9- Em học Việt _____	ngử	ngữ

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con ngựa.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 7

- **Tập viết.**

Nghỉ hè.

Nghi ngờ.

Về quê nghỉ hè.

Em nghe mẹ ru bé.

Con nghe kêu nghe ngộ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (ngghi ngờ, nghĩ)

Chớ có _____ ai.

2. (nghề, nghe)

Chị em Tú _____ cha mẹ.

3. (nghề vẽ, nghi ngờ)

Chú Tư có _____

4. (ru em ngủ, nghỉ hè)

Cha mẹ về quê _____

5. (em bé, nghệ sĩ)

Chú Tư là _____

- Em khoanh tròn từ bên cột A hoặc cột B rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1- Bà đi về quê _____ hè.	nghỉ	ngĩ
2- Con _____ kêu nghe ngo.	nghe	nghe
3- Chớ có _____ ngờ ai.	ngĩ	nghi
4- Em _____ mẹ ca.	nghe	nghe
5- Bé _____ về quê nhà.	nghỉ	ngĩ
6- Chú Ba có _____ vẽ.	nghe	nghe
7- Chú Tư là _____ sĩ.	nghe	nghe
8- Mùa hè em _____ học.	ngĩ	ngĩ
9- Chi _____ mẹ ru em bé.	nghe	nghe

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái tai.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 8

- **Tập viết.**

Khò khè.

Nghé ngộ.

Chi học Việt ngữ.

Em đi nghỉ hè.

Khỉ con khù khờ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (khù khờ, khe khẽ)

Cụ già ho _____

2. (nghĩ, ghé)

Con _____ bú no nê.

3. (té ngã, đi ngủ)

Bé Tú _____ u đầu.

4. (nghĩ hè, nghe lời)

Chị em Tú _____ mẹ cha.

5. (kha khá, khò khè)

Bé Chi học _____

- Em tìm những từ sau đây và khoanh lại trong ô chữ bên dưới:

cha mẹ - che chở - ghe đò - giã gạo

ngà voi - chả quế - khò khè - chả giò

n	x	c	h	e	c	h	ở	c
g	c	t	q	g	p	è	x	h
à	o	h	n	e	h	k	m	ả
v	l	s	a	k	ồ	e	á	g
o	r	n	ò	m	h	y	đ	i
i	v	h	x	b	ẹ	ỉ	y	ò
k	k	ế	ồ	p	x	m	h	đ
g	i	ã	g	ạ	o	ú	p	è
x	c	h	ả	q	u	ế	t	s



- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ em nghe nhạc.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 9

• Tập viết.

Nhà ta.

Nhu nhú.

Cô là nha sĩ.

Nhà gỗ nhỏ nhỏ.

Bé đi ra nhè nhẹ.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (đi chợ, ngủ nhè, nghỉ hè)
Bé Nhi về quê _____
2. (nhỏ bé, khe khẽ, to quá)
Bà ru bé Nhi ngủ _____
3. (giá rẻ, nhè nhẹ, nho nhỏ)
Bé Nhi có quà _____
4. (nhỏ quá, khù khụ, to quá)
Cụ già ho _____
5. (nhà nho nhỏ, nhỏ bé, gió to)
Bé Nhi vẽ _____
6. (giả bộ, quả lê nhỏ, đủ đủ)
Bà cho em Nhi ăn _____
7. (đi ghe, nghỉ hè, đi chợ)
Mẹ cho chị em Nhi đi _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. em nhỏ cho Bà

2. to nhà Ba có

3. Em chó nhỏ vẽ

4. nhẹ Cự đi nhè

5. nhà nhớ Đi xa

6. nha sĩ là Cô Tư

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ chùm nho.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 10

- **Tập viết.**

Phì phò.

Phủ phê.

Phở xá nhỏ hẹp.

Bố đi ăn phở gà.

Bà em kho cá phi.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (lè phè, ăn phở, phủ phê)

Cả nhà bé Phi _____

2. (mì li, cá kho, cà phê)

Mẹ pha _____ cho cha.

3. (phá, ngó, bỏ phí)

Chớ có _____ hư xe.

4. (phố xá, phu mỏ, phu xe)

_____ ở Mỹ quá đông xe.

5. (bỏ xó, bỏ phí, bỏ phế)

Chớ có _____ thì giờ.

6. (bơ phờ, phì phò, phụ mẹ)

Chị em bé Phi _____ làm bếp.

7. (lè phè, phủ phê, bơ phờ)

Ba bà già đi chợ xa mệt _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. phở Em ăn bò

2. Bà em cá phi kho

3. nhỏ Phố xá hẹp

4. đi Bé qua phà

5. cà phê pha Bố em

6. pha Mẹ em trà

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ tô phở.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 11

- **Tập viết.**

Quê nhà.

Quà quý.

Đồ sứ quý giá.

Quê em đẹp quá.

Bé phá quá bị quỳ gối.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (gà mẹ, cú vọ, quạ)

_____ kêu quạ quạ.

2. (quỳ gối, quở la, quý quá)

Bé Tý hư bị cha mẹ _____

3. (khu phố, gà đá, quả cà)

Ở nhà quê có _____ , quả lê.

4. (giò chả, què giò, giò bò)

Gà đá bị _____

5. (đi lễ, quỳ gối, quy y)

Cha mẹ em _____ chùa.

6. (quà to, quý giá, quà quê)

Bà cho chị Quy quà _____

7. (chả quế, quả cà, qua phà)

Ông bà về quê đi _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. [đò] [Em đi] [về quê]

2. [Bà em] [quà] [cho]

3. [bị quỳ] [hư] [Bé Phú]

4. [Mẹ Chi] [chả quế] [cho]

5. [Tú có] [lê to] [quả]

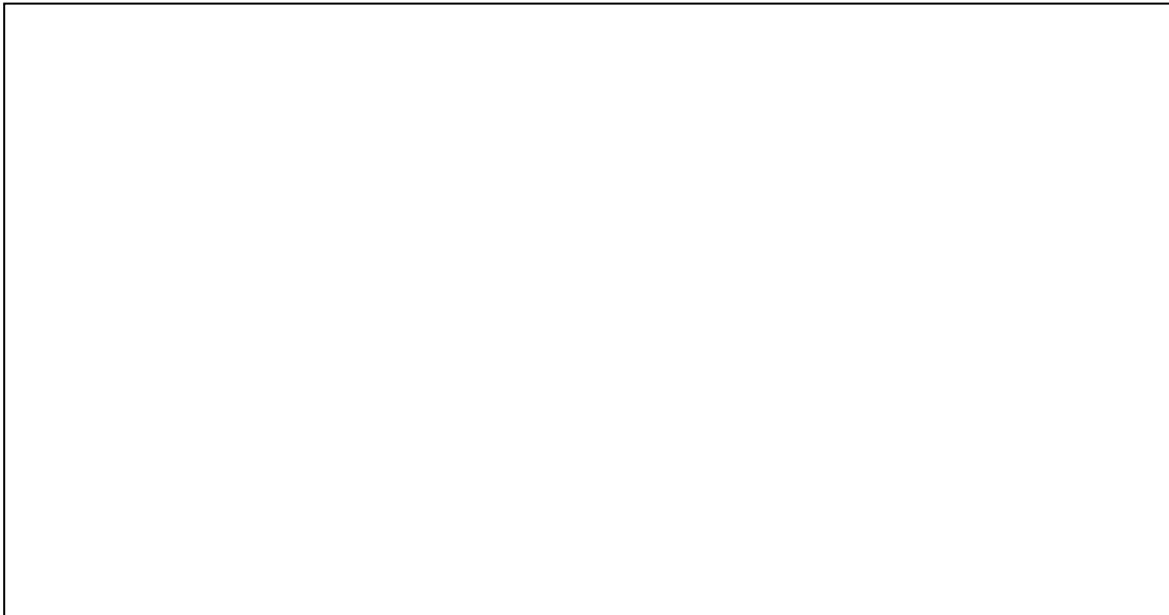
6. [phà] [Chú Tư] [đi qua]

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái quạt máy.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 12

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (nhà xe, xe nhà, nghỉ hè)

Cha mẹ em đi _____ về quê.

Cha mẹ và em đi _____ ở quê nhà.

2. (tô mì, phở bò, cá phi)

Mẹ bỏ _____ vào lò.

Bé Phú mê ăn _____

3. (quý giá, cho quà, quả lê)

Ông nội _____ các cháu.

Quà bà cho _____

4. (cà phê, qua đồ, nho nhỏ)

Dì Ba hát ru em _____

Mẹ em pha _____ cho bố.

6. (phủ phê, đi phà, phụ mẹ)

Ông và bà _____ về quê.

Dì em _____ làm

bếp.

7. (giá rẻ, giữ nhà, giò chả)

Ông có chó để _____

Xe cũ bán _____

- Em tìm những từ sau đây và khoanh lại trong ô chữ bên dưới:

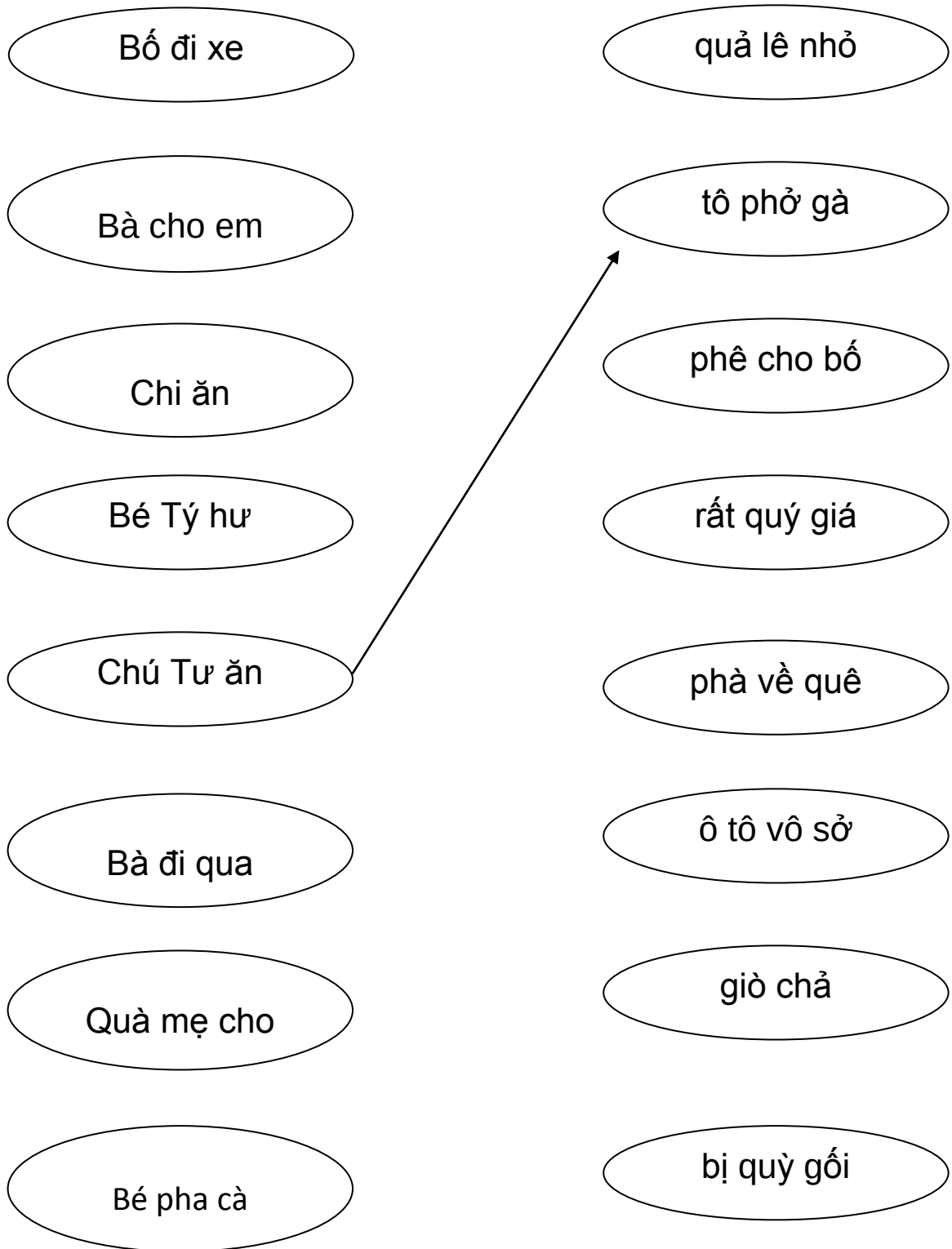
nhà xe - phở gà - đi phà - giò chả - cà phê

cá phi - phi cơ - nhu mì - phì phà - nhè nhẹ

a	b	đ	h	e	g	ò	ò	v	m	i	ở
v	c	s	t	k	đ	i	v	ư	h	h	n
n	p	h	ở	g	à	c	ò	p	c	à	h
p	n	n	a	ả	d	i	á	c	n	è	è
h	i	t	h	m	g	c	h	o	h	i	n
ì	g	p	q	u	i	đ	ò	k	q	ả	h
p	i	e	h	đ	m	d	ò	x	ó	e	e
h	o	d	p	à	i	ì	ả	q	x	ê	à
à	x	b	v	h	a	p	g	à	h	x	ê
t	c	à	p	h	ê	a	h	k	r	n	đ
c	d	đ	e	b	i	n	g	à	v	k	i
q	o	v	g	o	k	p	h	i	c	ơ	h



- Em nối các từ ở hai bên để thành một câu có nghĩa.



- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái nhà.

A large empty rectangular box for drawing.

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 13

- **Tập viết.**

Tha thứ.

Thỏ thẻ.

Khỉ la the thé.

Bà đi bộ thư thả.

Bé đi thi Việt ngữ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (thờ ơ, thờ ơ)

Em chớ có _____ kẻ khó.

2. (Bà ghe, Bà nghe)

_____ bé Thư thả thả.

3. (tha thứ, tha thứ)

Cha mẹ dễ _____ cho con.

4. (Cụ dà, Cụ già)

_____ đi về thư thả.

5. (Việt ngữ, Việt ngữ)

Chị em Thư đi thi _____

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. tha Chim mẹ mỗi

2. ăn Thỏ dê lá cỏ

3. thứ tư Hôm nay là

4. thỏ thẻ Bé với mẹ

5. thi Chị Chi đi

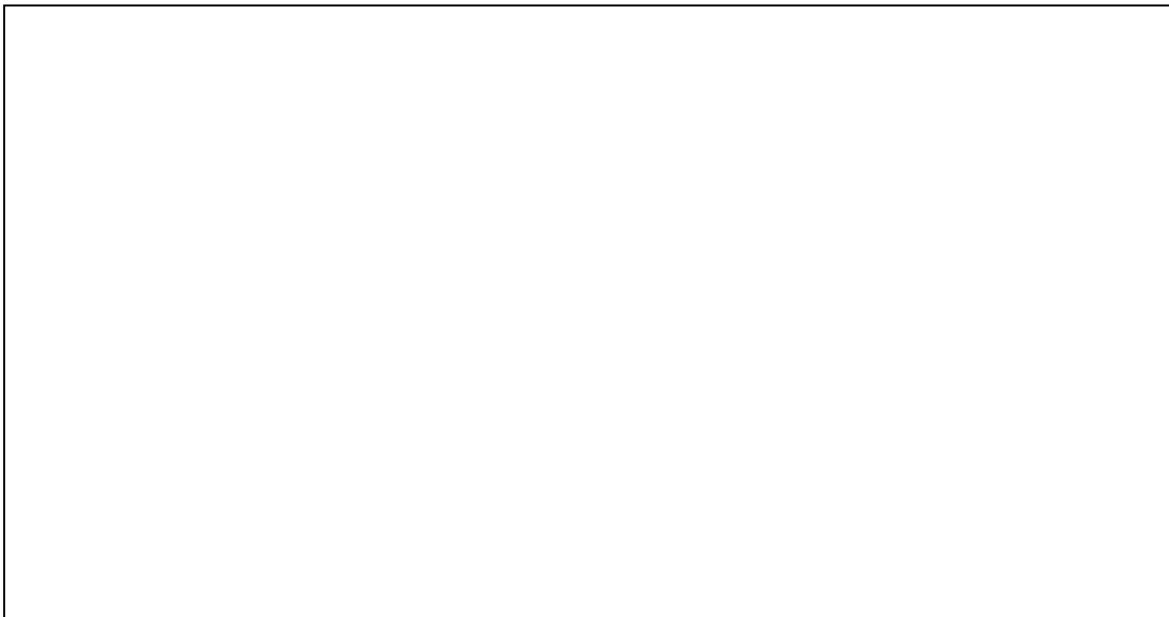
6. đi Bà thư thả

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con thỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 14

• Tập viết.

Cá trê.

Cột trụ.

Chó tru dễ sợ.

Bồ hay pha trà đá.

Quê em rất trù phú.

-
- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.**

1. (chả ớn, trả ớn)

Con nhớ _____ cha mẹ.

2. (trả giá, trả dá)

Cha sẽ _____ xe ô tô cũ.

3. (cư trú, cư chú)

Cả nhà em Trí _____ ở San Jose.

4. (lì trà, lì chà)

Bà cụ Thọ pha _____

5. (giở quá xá, dở quá xá)

Chị Thu ca _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. xa đi học Trò Trí

2. lơ thơ tre trúc Lá

3. Chớ nên trẻ đi học

4. trà Ba pha cho bà

5. trả lời lễ phép Em

6. đẹp Trời nắng quá!

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cây tre.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 15

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (thả cá, thả cà)

Cha đi ra hồ để _____

2. (ăn cỏ, ăn cò)

Thỏ, dê, bò ăn lá, _____

3. (chở hoa, trổ hoa)

Nụ trà, nụ khế _____

4. (chẻ nhỏ, trẻ nhỏ)

Cha mẹ Thi ở nhà lo giữ _____

5. (cụ già, cụ dà)

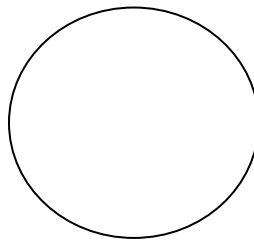
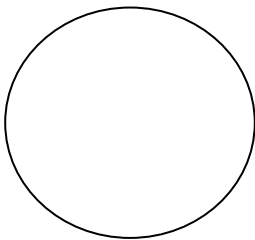
Ba bà _____ đi chợ xa.

- Em tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Sau đó viết từ này vào ô chữ theo số của mỗi câu.

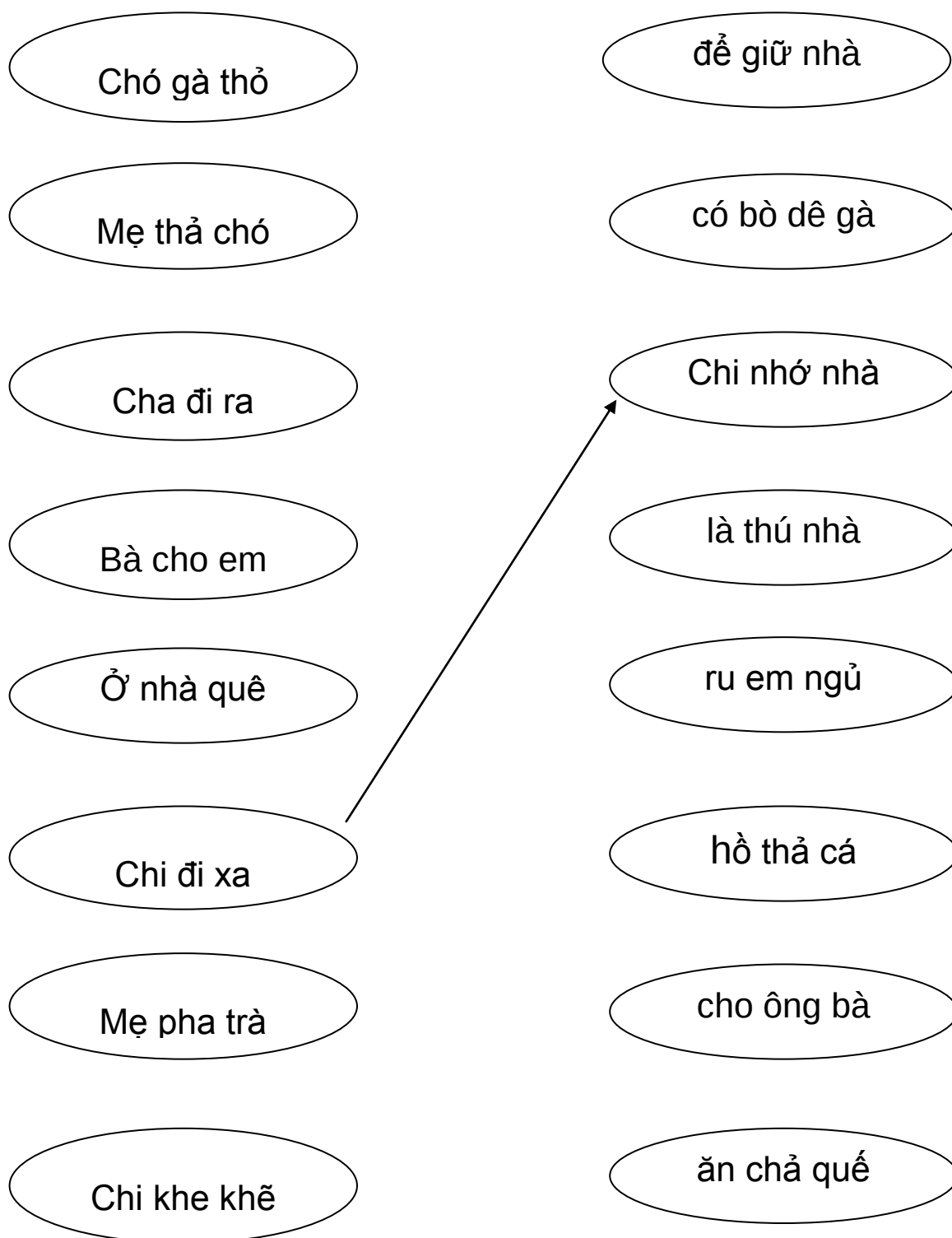
1. ____ đi xa, em nhớ nhà,
2. Cô Tư ____ qua phà.
3. Nhà chú ở ____ chợ.
4. Bố mẹ và em ở ____ to.
5. Tý có hai ____ bé.
6. Đi xa nhà, em ____ mẹ.
7. Chị Thư phụ ____ lau nhà.
8. Em có mẹ, ____ và anh chị.

1				2			3			4			
---	--	--	--	---	--	--	---	--	--	---	--	--	--

5				6			7			8			
---	--	--	--	---	--	--	---	--	--	---	--	--	--



- Em nối các từ ở hai bên để thành một câu có nghĩa.



- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Em vẽ.**

Em vẽ cụ già.

A large empty rectangular box for drawing.

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 16

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (nghe vô bờ, ghé vô bờ, ghe vô bờ)

Chú Tư cho ghe _____

2. (hổ dữ, hổ giữ, ho dữ)

Chị em Chi ghê sợ _____

3. (nhớ ơn, nhờ ơn, nhờ ơn)

Em _____ ông bà, cha mẹ.

4. (ke kễ, khe khễ, khê khế)

Cô Thư ru em _____

5. (nghe sợ, ghê sợ, nghe sợ)

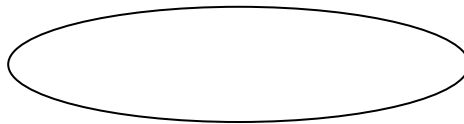
Nghe chó tru _____

- Em tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Sau đó viết lại từ này vào ô chữ theo số của mỗi câu.

1. ____ em có anh chị và ba má.
2. Mẹ bé ____ bé.
3. Bờ hồ ____ cá to.
4. Bố, ____ em đi nghỉ hè ở nhà quê.
5. Em nghe lời ____ mẹ.
6. Nhà quê có bò, gà, thỏ ____ dê.
7. Anh Trí là ____ cả.
8. Chị Thu là ____ bé Phi.
9. Bà pha cà phê cho ____.
10. Ba ____ già đi chợ xa.

1			2		3		4			5		
---	--	--	---	--	---	--	---	--	--	---	--	--

6		7			8			9			10	
---	--	---	--	--	---	--	--	---	--	--	----	--

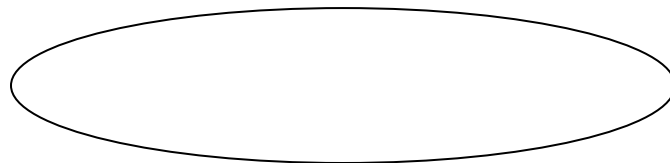


- Em tìm những từ sau đây và khoanh lại trong ô chữ bên dưới:

đi thư thả - li trà đá - giỏ cá tre - tô phở bò

đi xa nhà - nhớ mẹ cha - có thư nhà - em vui quá

n	h	ớ	m	ẹ	c	h	a	v	ê	đ	ở
v	c	s	t	k	đ	i	v	t	k	h	n
g	h	ư	x	k	q	p	t	y	c	à	h
l	i	t	r	à	đ	á	h	c	n	è	ò
đ	q	t	n	m	c	b	h	ó	h	b	e
ì	i	ỏ	q	ỏ	i	c	ò	t	ở	ả	m
p	k	t	i	đ	ớ	d	ò	h	ó	t	v
h	o	g	h	á	i	m	p	ư	x	ế	u
à	x	á	v	ư	t	ô	ẹ	n	h	x	i
t	c	à	p	h	t	r	h	h	r	n	q
c	d	đ	e	b	i	h	ê	à	h	o	u
đ	i	x	a	n	h	à	ả	l	c	g	á



- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái bàn học.

A large empty rectangular box for drawing.

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 17

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Má và Mai".
2. Học thuộc lòng: "Nhà Em".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Má và Mai" điền vào chỗ trống:

Má và _____ ở nhà. Mai ru bé ngủ _____.
Má dạy _____ nhảy dây. Mai _____ dây, má vỗ tay.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Nhà Em".

Ba ở

- ☐ cây lúa.
- ☐ vá may.
- ☐ nhà máy giấy.

Em chăm chỉ

- ☐ vá may.
- ☐ ru em ngủ.
- ☐ học bài.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

con nai

hai tai đề

nhảy dây

hai tay đề

máy bay

ngủ say

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **ai, ay, ây** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Em hay



Chi vẽ

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **ai ay ây**.

Tai phải

Tay trái

Mây bay

Hai tai để² nghe

Máy bay bay qua mây

- **Viết chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “Má và Mai”.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai chiếc máy bay.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 18

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: “Bé Tâm”.
2. Học thuộc lòng: “Thăm Bà”.

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc “Bé Tâm” điền vào chỗ trống:

Bé Tâm là người rất Em làm bài mỗi ngày. Mẹ dặn Tâm: “Chớ có lấy vật gì của ai”.

• **Chép lại câu trong bài.**

Theo bài tập đọc “Bé Tâm”, em chép lại:

1. Một câu có vần âm

2. Một câu có vần am

3. Một câu có vần ăm

• **Tìm từ viết đúng chính tả.**

Em khoanh tròn từ nào đúng trong dấu ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống.

1. (chăm chỉ, trắm chỉ)

Bé làm bài.

2. (châm chậm, châm trập)

Ba lái xe

3. (thăm lăm, tham lam)

Ta chớ có

4. (trà sâm, trà sâm)

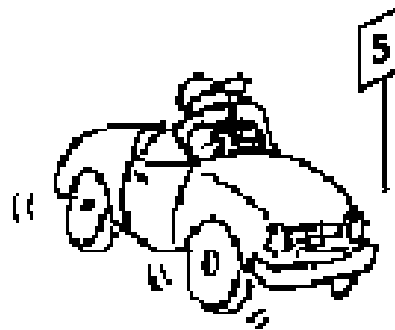
Ba biểu bà

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **am, ăm, âm** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Khi đột ăn.



Ba lái xe chậm

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **am ăm âm.**

Làm bài

Chăm chỉ

Cầm tay

Nắm tay nhảy dây

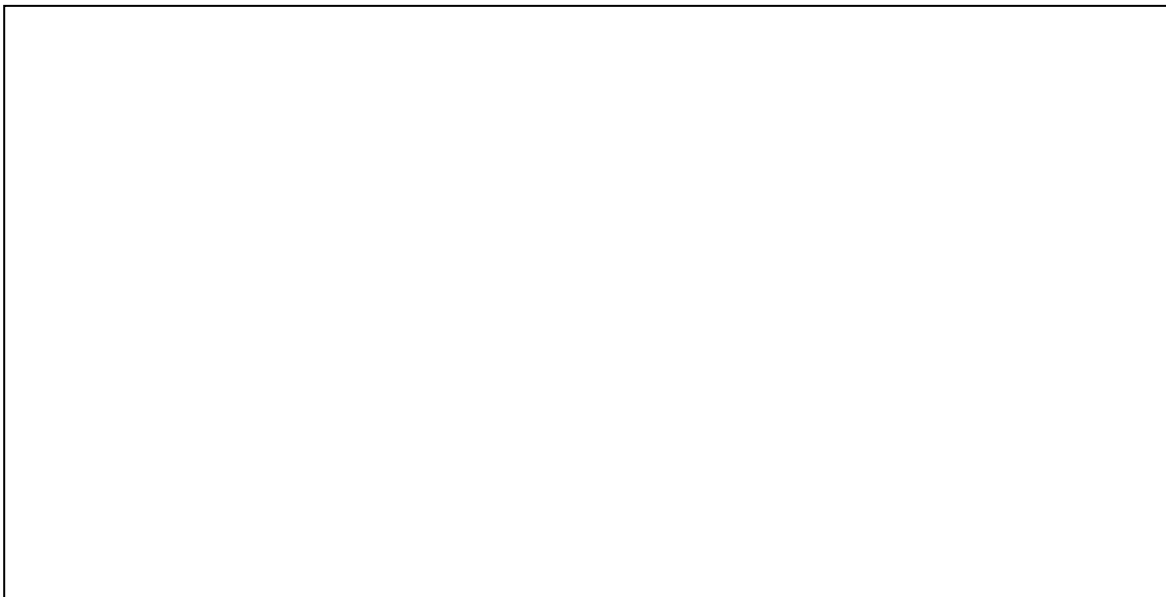
Em chăm chỉ làm bài

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “Bé Tâm”.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai trái cam.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 19

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: “Bạn Em”.
2. Bài hát: “Hát Vui”.

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc “Bạn Em” điền vào chỗ trống:

Gần nhà em, có cô bạn Tan học, và em về ngay nhà để cha mẹ tâm. Mẹ ân cần sóc các em.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc “Bạn Em”.

- | | |
|---------------|--|
| Gần nhà em có | ☐ cha mẹ, ông bà. |
| | ☐ cha mẹ an tâm. |
| | ☐ cô bạn thân. |

- | | |
|--------------------|---------------------------------------|
| Tan học, bạn và em | ☐ ở lại lớp. |
| | ☐ về ngay nhà. |
| | ☐ đi xa về. |

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. bạn thân cô Em có

2. về ngay Bạn và em nhà

3. sẵn nai đi Chú em

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **an, ăn, ân** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Em và _____ đi học.



Chú đi _____ bắn.

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **an ăn ân.**

Bàn tay

Ăn năn

Ân cần

Lan là bạn thân

Ăn mặn hại thân

- **Chính tả.**

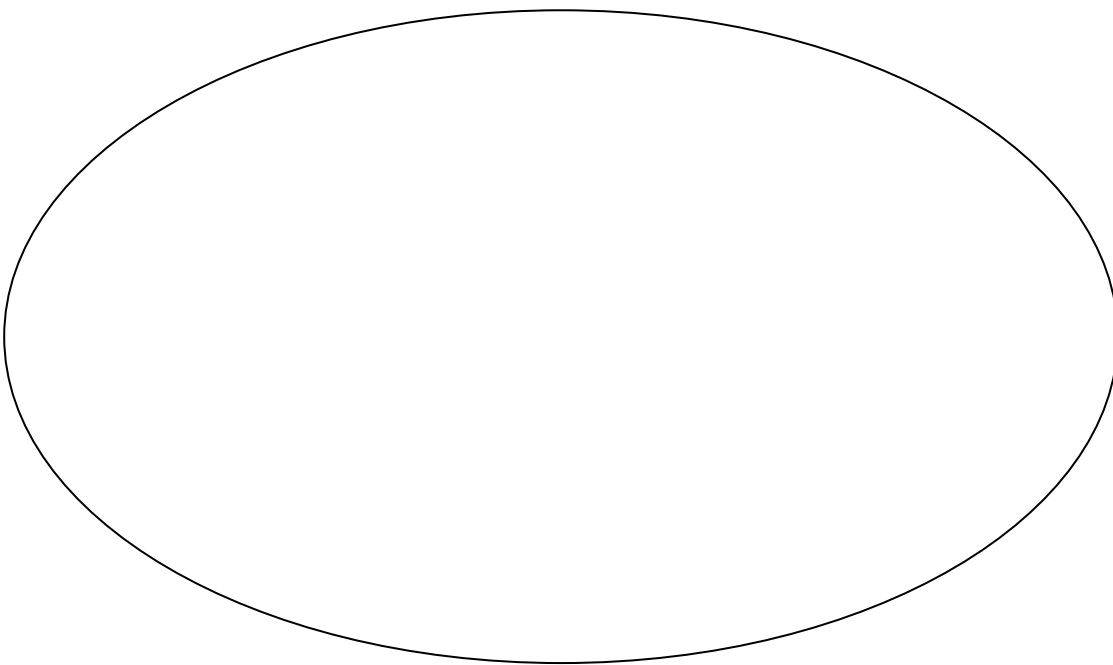
Hãy chép lại bài tập đọc “Bạn Em”.

Handwriting practice lines for the story “Bạn Em”.

Four sets of horizontal lines for writing, each consisting of a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai bàn tay.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 20

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng hai lần bài tập đọc: “Anh Lâm và chị Lan” để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc “Anh Lâm và chị Lan” điền vào chỗ trống:

Tối nay anh Lâm đưa chị Lan đi ăn, Chị Lan anh
Lâm cần nên xem để khỏi lạc lối.
Bản đồ có bốn hướng :, Tây,, Bắc.
Nhờ vậy mà tìm ra tiệm ăn

- **Chọn câu đúng nhất.**

1. Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc: "anh Lâm và chị Lan".

Anh Lâm đưa chị Lan	☐ đi làm xa. ☐ đi ăn. ☐ học bài.
---------------------	---

Chị Lan căn dặn	☐ nên xem bản đồ. ☐ lau bàn ghế. ☐ học bài.
-----------------	--

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

chăm làm

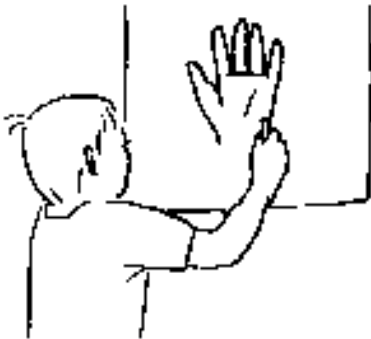
căn dặn

bản đồ

tiệm ăn

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **an, ay, ây** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Tài vẽ



..... qua mây.

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ai ay ây; am ăm âm; an ăn.**

Trái cam

Nhảy dây

Chăm làm

Con rắn trên cây cam

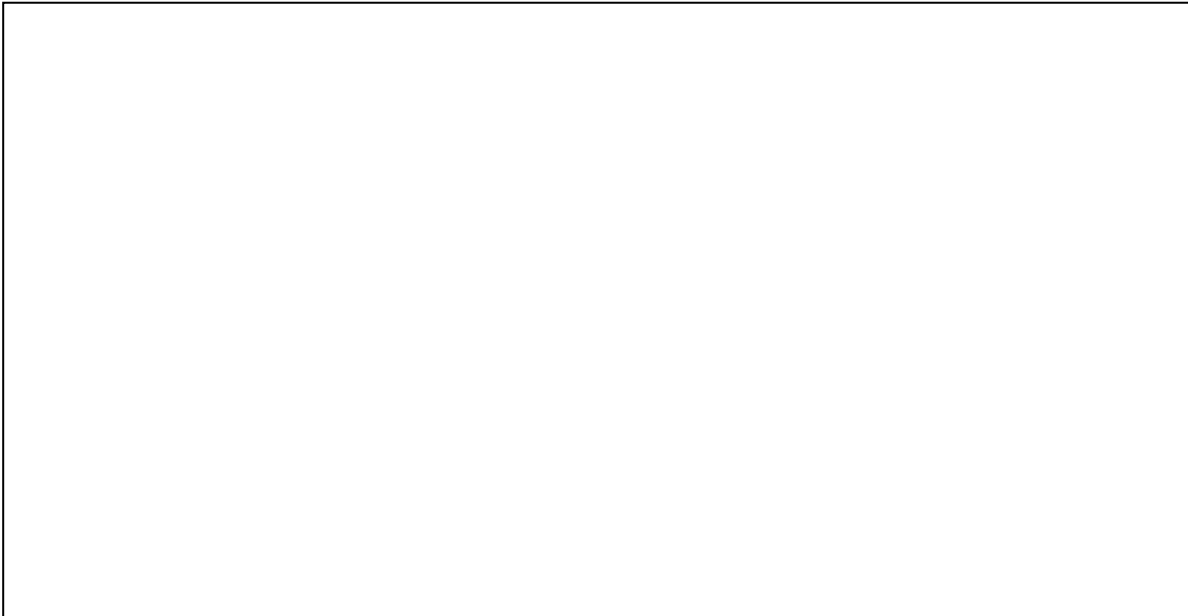
Cha mẹ an tâm đi làm

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “anh Lâm và chị Lan”.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ đàn cá bơi.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 21

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: “Đi Sở Thú”.
2. Học thuộc lòng: “Má Lo Âu”.

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc “Đi sở thú” điền vào chỗ trống:

Cô dẫn cả lớp ngày mai mặc áo để cô dẫn đi sở thú. Đến sở thú, em coi, con hổ, con trâu, con sư tử, và con báo. Sau đó, cô dẫn cả lớp đi xem và con cào cào.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Má Lo Âu".

Má lo âu vì

- ☐ em đi về trễ.
- ☐ chị em đi về trễ.
- ☐ ba em đi về trễ.

Chị em về trễ nên

- ☐ má lo âu.
- ☐ ba đi tìm chị.
- ☐ không ai biết chị đi đâu.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

Áo màu nâu

Trái táo

Cá sấu

Con trâu

Đầu đầu

Châu châu

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **ao, au, âu** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Chị Mai mặc _____ dài.



Sự tích trầu _____.

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ao au âu.**

Áo dài

Chạy mau

Châu Mỹ

Áo vải màu nâu

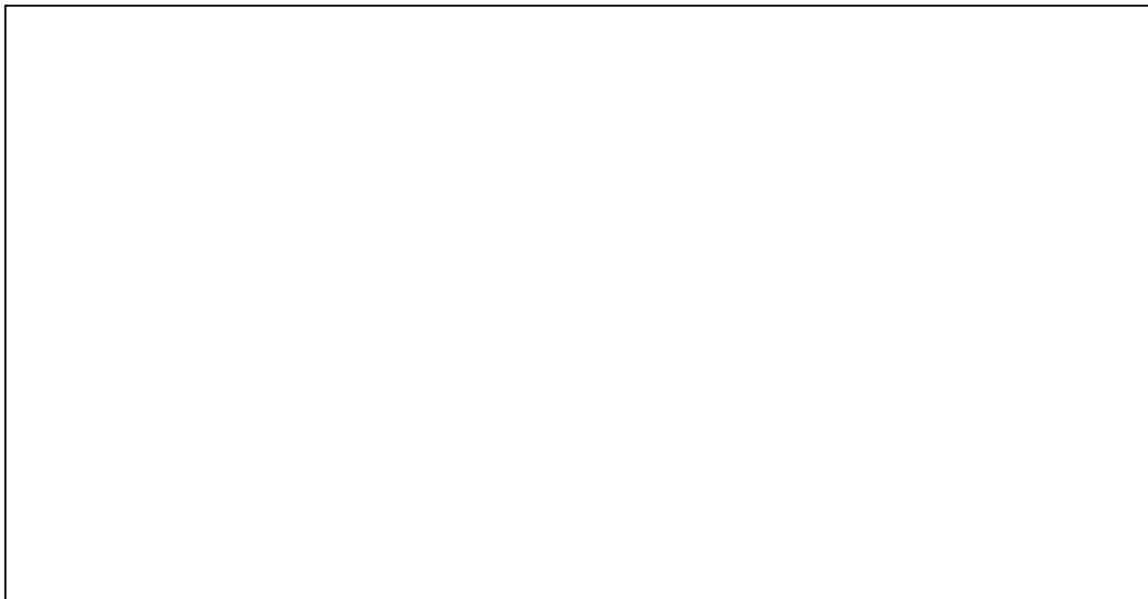
Ao sâu khó chài cá

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “Đi Sở Thú”.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ chiếc xe hơi.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 22

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: “Gió Bắc”.
2. Học thuộc lòng: “Bé Ca”.

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Gió Bắc" điền vào chỗ trống.

Mùa đông có gió thổi về. Cây lác qua lại kêu xào Có mưa rơi Em áo dày mà vẫn thấy rét.

• **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
<u>Bát</u> sĩ khám tai.	
Tâm <u>nge</u> nhạc âm ỉ.	
Mẹ nấu xôi <u>gắt</u> .	
Chớ phá <u>giắt</u> ngủ em.	

• Xếp câu.

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. dây ghê mặc áo Em

2. thức giấc Bé Mai vừa

3. xào xạc khô Lá

• Tìm từ.

Em điền từ có vần **ac, ăc, âc** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 Mưa rơi lác ____.	 Con nai ngơ ____.
--	---

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ac ăc âc.**

Lạc đà

Gió bắc

Giấc ngủ

Bác mặc áo ấm

Bà hái trái gấc

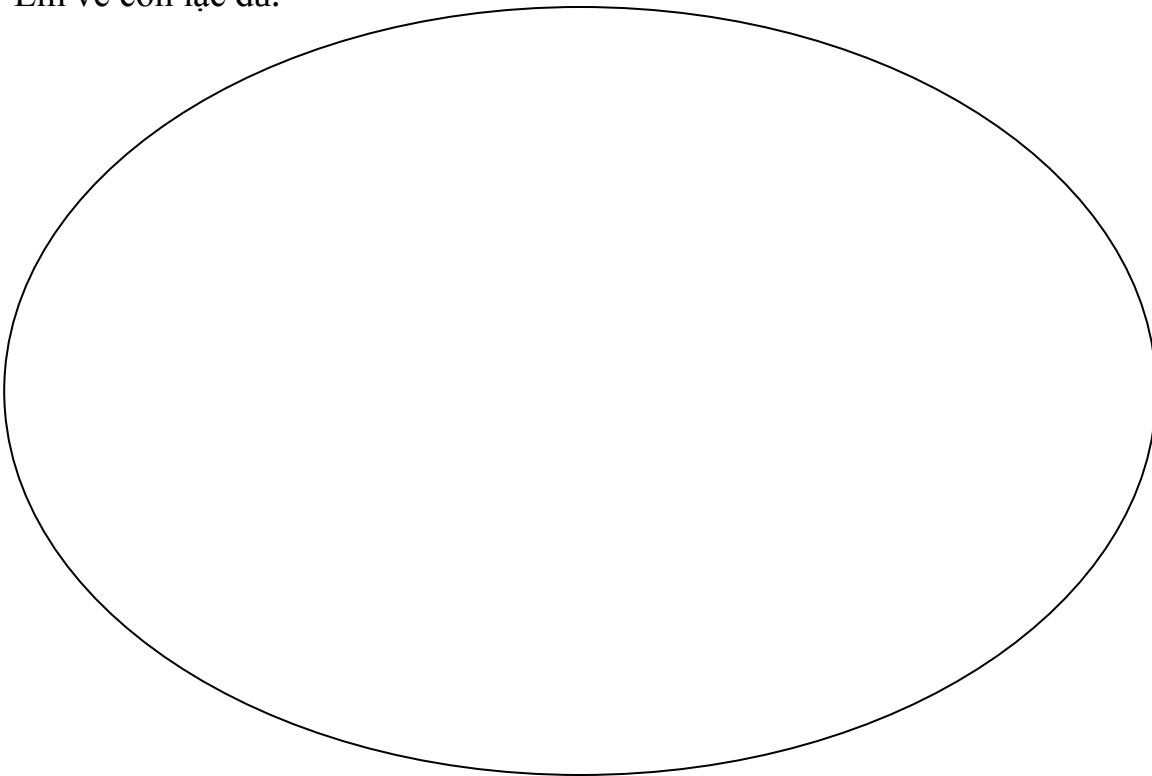
- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “Gió Bắc”.

Handwriting practice lines consisting of four sets of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) for copying the text.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ con lạc đà.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 23

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: “Bà Dặn Cháu”.
2. Bài hát: “Cười Làm Quen”.

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc “Bà Dặn Cháu” điền vào chỗ trống.

Bà dặn bé làm việc chớ Đi chậm thì đỡ
 ngã. Nhà ở phải sạch sẽ và ngăn Em cần phải chăm lo học . .
 . . . và chịu khó thì mới nên

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc “Bà Dặn Cháu”.

Làm việc chớ có

☐ ngăn nắp.

☐ đi chậm.

☐ hấp tấp.

Bé nhớ

☐ vấp ngã.

☐ hấp tấp.

☐ chăm học tập.

- **Trả lời câu hỏi.**

Em viết đủ câu để trả lời theo bài tập đọc “Bà Dặn Cháu”.

1. Bà dặn cháu làm việc thì phải làm sao?

.....
.....

2. Đi chậm có lợi gì?

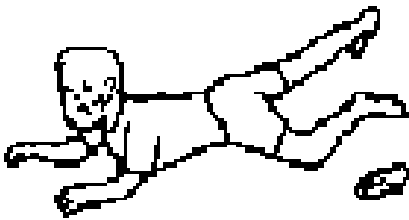
.....
.....

3. Việc học nên thế nào?

.....
.....

- **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **ap, ăp, âp** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Đi nhanh bị _____ ngã.



Tâm _____ thể dục.

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ap ăp âp.**

Xe đạp

Trái bắp

Cá mập

Em bé ngáp ngủ

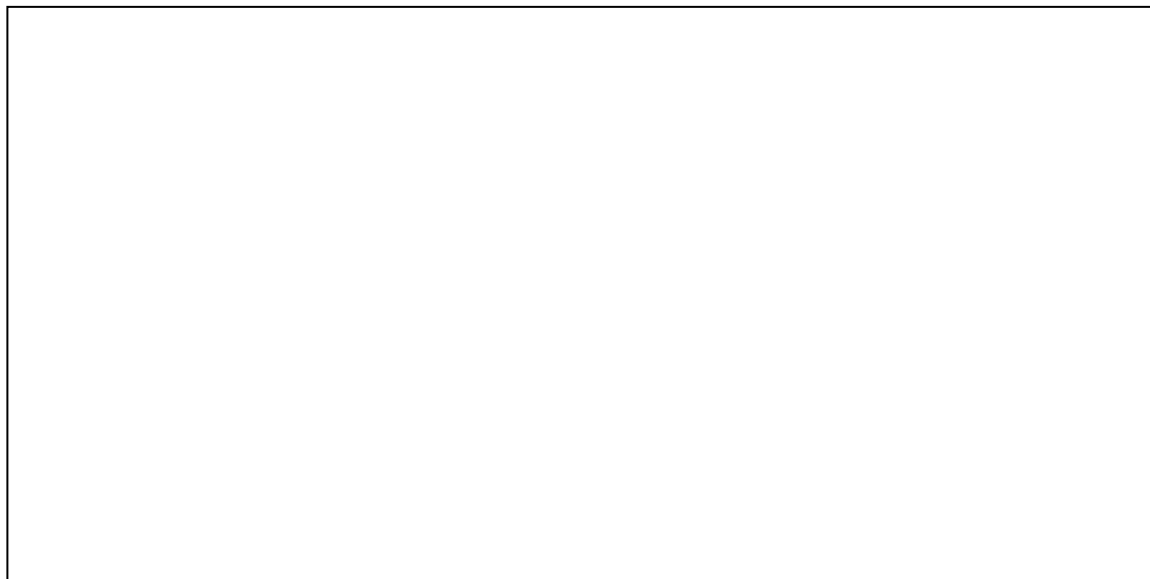
Đắp chăn cho ấm

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “Bà Dặn Cháu”.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ trái bắp.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 24

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng hai lần bài tập đọc “Bà Kể Các Cháu Nghe” để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc “Bà Kể Các Cháu Nghe” điền vào chỗ trống.

Bà kể cho nghe. Ông bà ở miền Bắc Việt Nam .
 nước Tàu. Ở đó có gió giá rét. Khi nào ốm đau khó ...
 bác sĩ mà chỉ có thầy thuốc bắc. Nghe qua, các cháu
 ái ngại.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc “Bà Kể Các Cháu Nghe”.

Ông bà quê ở

- ☐ miền Tây Hoa Kỳ.
- ☐ miền Nam Việt Nam.
- ☐ miền Bắc Việt Nam.

Miền Bắc Việt Nam

- ☐ giáp nước Ai Lao (Lào).
- ☐ giáp nước Thái Lan.
- ☐ giáp nước Tàu.

Gió bắc thì

- ☐ ẩm áp.
- ☐ giá rét.
- ☐ mát mẻ.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

cây cao

lau xe.

nghe nhạc.

trái gấc.

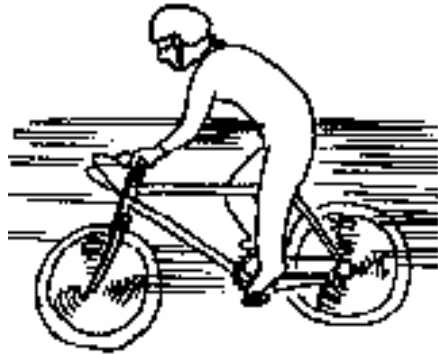
béo mập.

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **au, âu, ap, ắp** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con _____ kéo cày.



Giáp đạp _____.

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ao au âu; ac ắc; ap ắp.**

Cô giáo

Áo màu nâu

Trái bắp

Bác Ba mặc áo ấm

Giáp đạp xe chậm chạp

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc “Bà Kể Các Cháu Nghe”.

[illegible]

- Tập vẽ.

Em vẽ gà mẹ và đàn gà con.



NGŨ VÙNG ĐÃ HỌC

A

Ái ngại: Có phần lo lắng cho hoàn cảnh người khác.

Ân cần: Làm một cách tích cực, nhiệt thành.

An tâm: Yên tâm.

B

Bánh gio: Bánh tro, một loại bánh làm bằng bột gạo nếp.

Béo phì: Béo phệ, rất mập mạp.

C, CH

Cái giã : Vật dụng để đong lúa.

Cầm cập: Run rẩy, rãng va chạm vào nhau vì lạnh.

Chăm chỉ: Làm công việc gì có ích một cách chú ý và đều đặn.

Chày : Vật dụng để giã gạo.

Chó mực: Chó có lông màu đen.

Chung chạ: Đề chung lại với nhau, lộn xộn không phân biệt.

Chuối ngự: Một loại chuối nhỏ rất ngọt.

Con ghẹ: Một loại cua biển.

Công phu: Công sức để làm một việc gì.

Cư trú: Dân có nhà ở một nơi nào đó.

D

Dinh thự: Nhà to lớn dành cho công chức cao cấp ở.

Đ

Đàn nhị: Loại đàn kéo có hai dây.

GI

Giá rét: *Lạnh nhiều.*

Gian trá: Dối gian, không ngay thẳng.

Gió bắc: *Gió thổi từ phương Bắc xuống.*

Gỗ ghe: Không bằng phẳng, lồi lõm.

H

Hạng nhì: Hạng thứ hai.

K

Khí cầu: Quả cầu chứa khí helium hoặc khí nóng, bay lên được.

Khi: Khinh chê, xem không ra gì.

L

Lã chã: Từng giọt và nhiều, tuôn ra liên liên không dứt.

Lê thê: Rất dài.

Lời thề: Lời nói cam kết làm một điều gì.

Lưới trủ: Lưới đan bằng tơ gốc rất dày.

Lưu truyền: *Truyền lâu dài tới đời sau.*

M

Mèo mun: Mèo có lông màu đen.

NG

Ngo ngoe: Cựa quậy, động đậy.

Ngồi thờ: Ngồi yên lặng.

Ngư phủ: Người làm nghề chài lưới, đánh cá.

Ngủ say: *Ngủ không còn hay biết gì.*

Người có chí: Người có quyết tâm làm việc gì tốt đẹp.

NGH

Nghị sĩ: Người đại diện do dân chúng bầu vào quốc hội.

NH

Nhả mồi: Bỏ đồ ăn đã ngậm trong miệng ra.

Nhã nhặn: Lễ độ, từ tốn.

Nhà nhem tối: Trời sắp tối.

Nhí nhảnh: Vui vẻ, liên thoảng.

PH

Phì cười: Bật lên cười.

Phở dạ: Thỏa dạ, bằng lòng.

Phi trường: Nơi máy bay lên xuống, sân bay.

Phú cường: Giàu mạnh.

Phù hộ: Che chở, bảo bọc.

Phũ phàng: Tàn nhẫn, ghê lạnh, không một chút thương cảm.

QU

Quây quần: Tụ tập, xúm xít lại trong cảnh đầm ấm.

S

Sở Thú: nơi tập hợp nhiều loài động vật khác nhau để làm nơi tham quan và nghiên cứu.

Sơn sơ: Có dáng vẻ tươi tắn.

Sử gia: Người viết sử.

T

Tàu: *Nước Trung Hoa.*

Tứ chi: Hai chân và hai tay.

Tuổi ngọ: Tuổi con ngựa.

Tuyên thệ: Đọc lời thề trước công chúng.

TH

Tham lam: *Thích vợ vét về phần mình cho nhiều.*

Tiêu phí: Xài tiền vào việc không cần thiết.

TR

Tra hỏi: Bắt phải nói sự thật.

Trà sâm: *Loại trà được biến chế từ củ sâm.*

Trù liệu: Tính toán, sắp xếp công việc.

X

Xào xạc: *Tiếng lá cây va chạm nhẹ vào nhau.*

----- oOo -----

Phần giải nghĩa các câu tục ngữ

Bài 1 Có chí thì nên.

Làm việc gì, nếu cứ cố gắng mãi cũng sẽ được thành công.

Bài 2 Thương người như thể thương thân.

Phải nên thương yêu mọi người khác như thương yêu chính mình vậy.

Bài 3 Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

Gần mực, tay ta sẽ bị dính mực đen dơ bẩn. Gần đèn ta sẽ có được ánh sáng. Câu này có ý nói gần người tốt ta sẽ được ảnh hưởng cái tốt, còn gần người xấu ta sẽ bị lây cái xấu của họ.

Bài 5 Không thầy đố mày làm nên.

Không học hỏi, không nhờ ai chỉ bảo thì sẽ chẳng làm nên được gì cả.

Bài 6 Tham thực cực thân.

Tham lam ăn nhiều quá thì sẽ hại đến thân thể. Câu này ý nói vì quá tham danh lợi mà làm điều phi pháp đến bị tù đầy cực khổ.

Bài 7 Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.

Học hỏi một nghề cho thật giỏi thì sẽ được vững vàng, sung sướng.

Bài 9 Kiên tha lâu đầy tổ.

Kiên nhẫn học hỏi, bền chí làm việc, lâu ngày sẽ thành công.

Bài 10 Cây có cội, nước có nguồn.

Con người có ông bà, cha mẹ, như cây mọc lên từ gốc, nước chảy ra từ nguồn. Câu này ý nói con cháu phải nhớ đến công ơn của cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã nhọc công nuôi nấng và gây dựng cho chúng ta.

Bài 11 Chị ngã em nâng.

Người chị bị vấp ngã thì người em phải nâng dậy. Câu này ý nói anh chị em phải thương yêu, giúp đỡ nhau lúc gian nan, hoạn nạn.

Bài 13 Đói cho sạch, rách cho thơm.

Dù đói rách, nghèo khổ cũng phải giữ cho quần áo, thân mình luôn sạch sẽ, thơm tho. Câu này ý nói dù nghèo khổ cũng phải giữ tâm lòng trong sạch không làm điều sằng bậy, phi pháp.

Bài 14 Tre già, măng mọc.

Câu này ý nói lớp người lớn vừa già thì lớp người nhỏ lớn lên thay thế.

Bài 17 Ăn cây nào, rào cây nấy.

Chịu ơn hay giúp việc cho ai, thì phải giữ gìn bênh vực người ấy.

Bài 18 Ăn lắm hết ngon, nói lắm hết khôn.

Ăn nhiều quá sinh chán, không còn biết ngon. Nói nhiều quá thể nào cũng nói bậy, mất khôn.

Bài 19 Ăn bữa trưa, chừa bữa tối.

Nên ăn dè, xài nhín; hãy nghĩ tới tương lai.

Bài 20 **Tham thì thâm.**

Tham lam thường có hại, khiến cho nhờ danh xấu tiếng.

Bài 21 **Con sâu làm rầu nồi canh.**

Chỉ vì một con sâu rớt trong nồi canh mà phải bỏ đi cả nồi canh.

Ý nói chỉ vì một người làm điều xấu xa, hèn kém mà cả bọn phải mang tiếng xấu lây.

Bài 22 **Chớ thấy sóng cả, mà ngã tay chèo.**

Khi gặp sóng to, mọi người trên thuyền phải đem hết sức vào việc chèo chống cho thuyền đừng đắm; buông chèo là tự sát vậy. Ý nói chớ thấy khó mà bỏ dở công việc; trái lại nên cố gắng hơn để tránh thất bại.

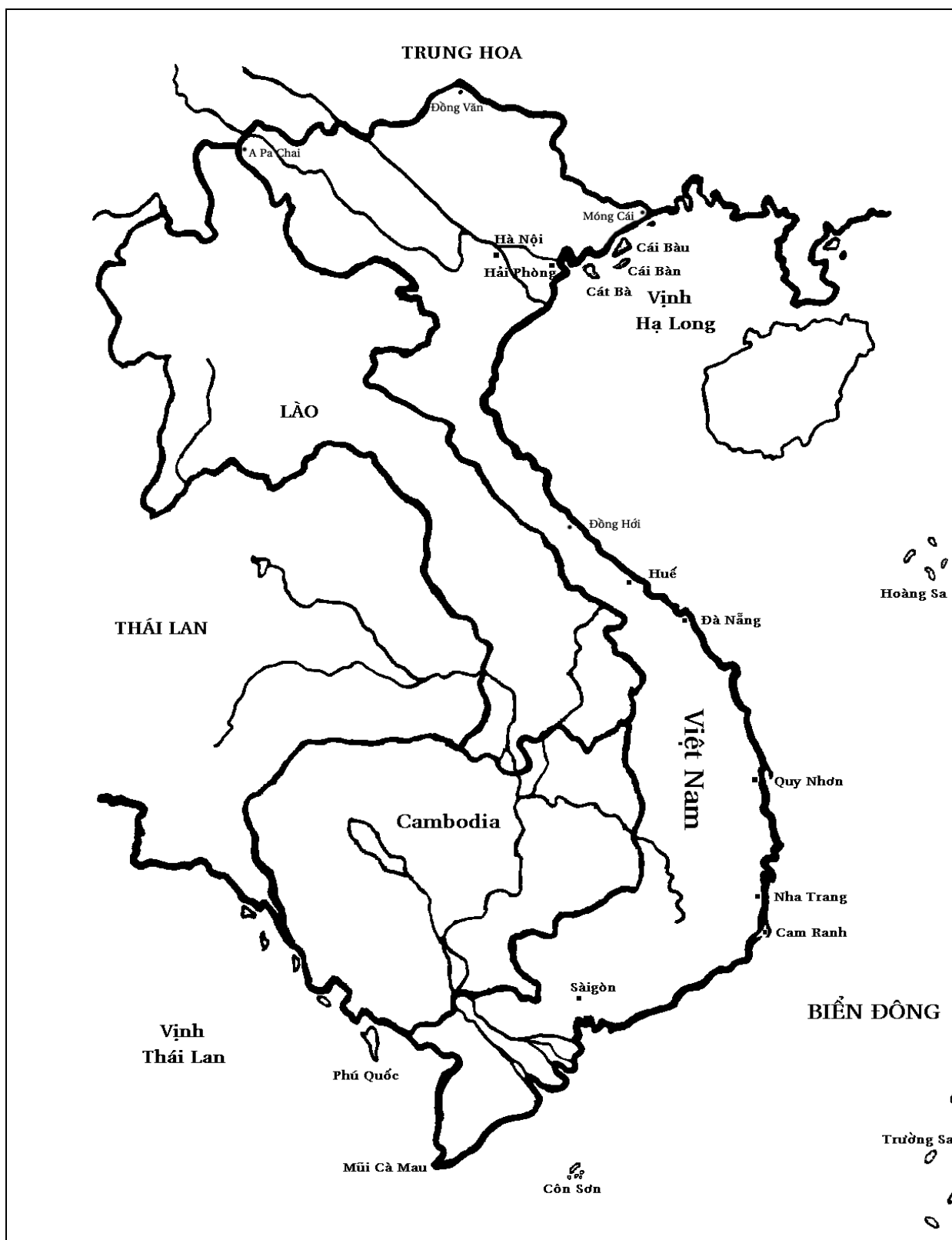
Bài 23 **Ăn theo thừa, ở theo thì.**

Ăn ở theo trào lưu tiến hóa chung, không bo bo thủ cựu, cũng không lơ lửng chạy theo đua đòi.

Bài 24 **Máu chảy ruột mềm.**

Người cùng họ hàng, ruột thịt bị hoạn nạn thì mình cũng thấy đau đớn, xót xa.

Bản đồ Việt Nam.



Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.



QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lưu Hữu Phước

Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
cho thầy phôi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
báo Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy, người Công Dân
luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
cờ Công Dân ơi Mau làm cho cỏi bờ, thoát cơn tàn phá, vẻ
vang nòi giống xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thượng Nhân



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hằng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời



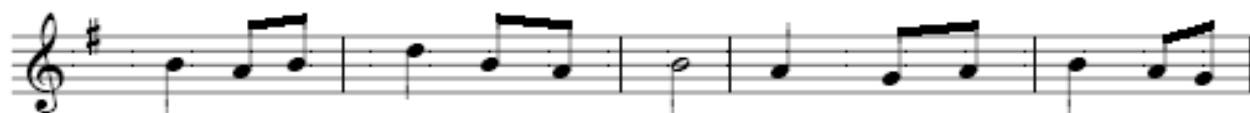
Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lòng thế hệ mới



Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đấu
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp



tranh Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
xây Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên



Anh chị em hồi mau về đây ta cùng tô thắm cho đời



sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhàn

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng
Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng
năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
mẫu Cho xứng là giống giống Rộng Tiên
lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
ích Cho xứng là giống giống Việt Nam
Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
Để mai sau xứng thành người dân
Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt



Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia



đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình bác ái muôn



đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài



lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho



đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình



người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng



ngôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang
 2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng phin về một xa

vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang
 xăm. Da chan mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tười. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt

xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không
 trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân

tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sôi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân
 Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hồi những ai gục xuống ngai dậy hùng cường đi

gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông
 lên.

miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không ngời

chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa

vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)

Con Cò



Con cò bé bé. Nó đậu cạnh tre, đi không hỏi
mẹ biết đi đường nào? Khi đi em hỏi, khi về em
chào. Miệng em chúm chím, mẹ có yêu không nào

A chào Ba, A chào Má

Ngô Mạnh Thu



1. A chào	Ba.	A Chào	Má
2. O chum	nho	O cùng	ngó
3. Ô mi đây	tô	Ô mà ăn	cổ
4. Ơ tay này	dơ	Ơ này nên	nhớ
5. E ngồi	xe	Ê cùng em	bé.
6. Ê ngồi	lê.	Ê không ngồi	ghế.
7. I hòn	bi	I nào mượn	tí.
8. U đồng	xu	U vườn	thú.
9. U nhà	sư.	U trồng cây	sứ

A chào ông	Bà.	cả nhà cùng	ca
O kia con	bò,	thật bự thật	to.
Ô một thấy	mồ,	liệu chúng ngồi	bồ
Ơ đứng có	lờ,	làm bộ ngán	ngơ.
E cầm ly	chè.	để dành mời	me.
Ê mặt như	hề,	mọi người cười	chề.
I mà em	lý,	bị rầy lạ	chì.
U đây sương	mù,	là ngày mùa	thu.
U kia ông	tử,	ngồi chùi bộ	lư.

Đàn Gà Con



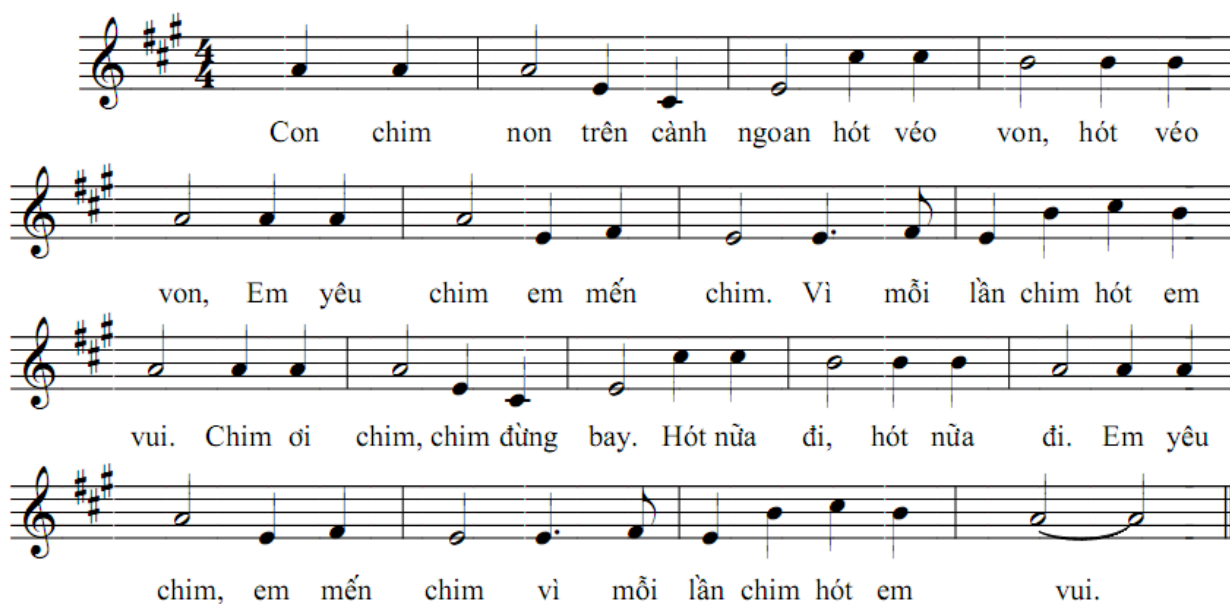
Một đàn gà con đùa vui vui vui

Bỗng có tiếng la can đôi gà đá

Mẹ gà trông thấy lòng đau đau đau

Nước mắt lăn chã rơi ôm con vào lòng

Con Chim Non



Con chim non trên cành ngoan hót véo von, hót véo

von, Em yêu chim em mến chim. Vì mỗi lần chim hót em

vui. Chim ơi chim, chim đừng bay. Hót nữa đi, hót nữa đi. Em yêu

chim, em mến chim vì mỗi lần chim hót em vui.

Cùng Quây Quân



1/ Cùng quây quân ta vui vui vui.

2/ Nhìn lên trời đây sao sao sao.

3/ Nào ai từng trông thấy thấy thấy.

4/ Nào ta cùng đánh răng răng răng.



Ta hát với nhau chơi chơi chơi.

Nhưng không biết phương nao nao nao.

Nào ai dám vui reo reo reo.

Lau mặt mũi tay chân chân chân.



Rồi lên tiếng reo cười cười cười.

Chợt trông thấy ông thần thần thần.

Được trông thấy con chuột chuột chuột.

Rồi ta nhớ chái đầu đầu đầu.



Làm vui thú bao người người người.

Cài gương báu bên mình mình mình.

Thò đuôi ngoáy tai mèo mèo mèo.

Và ta quyết không hề buồn rầu.